|  |  |
| --- | --- |
|  PHÒNG GDĐT EA SÚP**TRƯỜNG MN YA TỜ MỐT**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số :… /KH- MNYTM  |  Ya Tờ Mốt, ngày 18 tháng 10 năm 2024 |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025**

**TRƯỜNG MẦM NON YA TỜ MỐT**

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021 về Thông tư ban hành Chương trình GDMN;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ công văn 414/PGDĐT, ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Phòng GD ĐT Ea Súp về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch năm học số 84/KH-MNYTM ngày 18/10/2024 của trường mầm non Ya Tờ Mốt;

 Chuyên môn MN Ya Tờ Mốt ban hành Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

Phần thứ nhất:

**TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN,**

**NHIỆM VỤ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024**

1. Ưu điểm

\* Công tác số lượng:

Tổng số lớp:10 lớp với 239 học sinh. Trong đó: Nữ: 116 cháu; Dân tộc: 68 cháu; Nữ DT: 33 cháu. Hộ nghèo: 103.

Tổng số trẻ huy động trẻ từ 0-5 tuổi ra lớp: 239/304 cháu; đạt tỉ lệ: 78,6%.

Trong đó:

Tổng huy động trẻ Mẫu giáo ra lớp: 213/ 246 cháu; đạt tỉ lệ: 86,5 %.

Tổng huy động trẻ Nhà trẻ ra lớp: 26/58 cháu; đạt tỉ lệ: 44,8 %.

Tổng huy động trẻ 5 tuổi ra lớp: 79/79 cháu; đạt tỉ lệ: 100 %.

Trong đó:

Nhà trẻ: 24-36 tháng : 01 nhóm = 26 học sinh. Trong đó: Nữ: 15 cháu; DT: 2 cháu; Nữ DT: 31 cháu. HN: 1.

Tổng số trẻ Nhà trẻ ra lớp 27 cháu. So với năm học 2021-2022 tăng 4 cháu

Mẫu giáo: 9 lớp = 241học sinh. Trong đó: Nữ: 101 cháu; DT: 66 cháu; Nữ DT: 32 cháu. HN: 98.

Khối Mầm ( trẻ 3 tuổi): 02 lớp = 53 cháu. Trong đó: Nữ: 23 cháu; DT: 14cháu; Nữ DT: 7 cháu, HN: 21.

Khối Chồi ( trẻ 4 tuổi): 03 lớp = 81 cháu. Trong đó: Nữ: 41 cháu; DT: 23 cháu; Nữ DT: 12 cháu. HN: 44 , CN: 9 .

Khối Lá: 04 lớp = 79 học sinh.; DT: 29 cháu; Nữ DT Trong đó: Nữ: 37 cháu: 13cháu, HN: 33,

Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

**\* Chất lượng đội ngũ giáo viên.**

Số giáo viên dạy giỏi cấp trường: 15/17 tham gia = .88.23% (2 giáo viên nghỉ thai sản) và 5 bảo lưu; đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện 4/4 GV tham gia (100%);

Công tác phong trào:

 Tham gia thi Vẽ tranh cấp huyện đạt 3 giải khuyến khích cấp huyện;

Tham gia thi Bé với ATGT đạt giải 3 toàn đoàn cấp huyện.

Kết quả xếp loại cán bộ, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp: 25/25 đ/c:

Tốt: 22/25 = 100%;

- Kết quả xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên cuối năm học:

+ 27 đồng chí đạt lao động tiên tiến, trong đó 06 đồng chí đạt CSTĐ cấp cơ sở.

+ 12 đồng chí được tặng bằng khen của UBND huyện khen.

**2. Hạn chế**

Một số giáo viên áp dụng phương pháp dạy học giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo hướng trải nghiệm đôi khi hiệu quả chưa cao.

3. Nguyên nhân

***3.1. Nguyên nhân khách quan***

 Do một số giáo viên lớn tuổi, khả năng ứng dụng CNTT trong dạy học còn hạn chế, năng lực chuyên môn chưa cao.

***3.2. Nguyên nhân chủ quan***

 Một số giáo viên chưa tích cực tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn.

**Phần thứ hai:**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024-2025**

**I. Đặc điểm tình hình năm học 2024-2025**

**1. Thuận lợi:**

- Nhà trường luôn nhận đựơc sự quan tâm của các cấp lãnh chỉ đạo của Phòng Giáo dục, cấp ủy, chính quyền địa phương, nhân dân, phụ huynh.

- Tập thể nhà trường có tinh thần đoàn kết thống nhất trong mọi hoạt động. 100% giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo, đội ngũ giáo viên trẻ, khỏe, nhiệt tình có trách nhiệm đối với việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Một số đồng chí đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

- Lực lượng giáo viên làm công tác tổ đều là những giáo viên cốt cán, có năng lực chuyên môn cao.

- Cơ sở vật chất nhà trường được đảm bảo kiên cố hóa, các lớp đã có đủ đồ dùng và trang thiết bị nên thuận tiện cho việc huy động học sinh ra lớp đảm bảo theo kế hoạch giao.

**3. Khó khăn:**

- Đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, 30% là đồng bào dân tộc thiểu số, giao tiếp tiếng Việt còn hạn chế.

- Đội ngũ giáo viên chiếm một tỉ lệ đang trong độ tuổi sinh đẻ và con nhỏ, công tác không liên tục, một số giáo viên chưa linh hoạt sáng tạo trong một số tiết dạy nên ảnh hưởng phần nào đến chất lượng đội ngũ

.**3. Tình hình đội ngũ Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên:**

**\* Học sinh:**

Tổng số lớp:10 lớp 229 học sinh. Trong đó

Tổng số trẻ huy động trẻ từ 2-5 tuổi ra lớp: 229/254 cháu; đạt tỉ lệ:90%

Trong đó:

Tổng huy động trẻ Mẫu giáo ra lớp: 197/215 cháu; đạt tỉ lệ: 91,6%.

Tổng huy động trẻ Nhà trẻ ra lớp dự kiến: 32/39 cháu; đạt tỉ lệ: 82 %.

Tổng huy động trẻ 5 tuổi ra lớp dự kiến: 77/77 cháu; đạt tỉ lệ: 100 %.

Trong đó:

Nhà trẻ: 24-36 tháng : 02 nhóm = 32 cháu. Trong đó: Nữ: 16 cháu, DT: 06 cháu; Nữ DT:02; HN:12 cháu; CN:02 cháu.

Mẫu giáo: 8 lớp = 197học sinh.

Khối Mầm ( trẻ 3 tuổi): 03 lớp = 60 cháu. Trong đó: Nữ 37 cháu, DT: 23 cháu; Nữ DT: 12 cháu; HN: 28 cháu; CN:5 cháu.

 Khối Chồi ( trẻ 4 tuổi): 02 lớp = 60 cháu. Trong đó: Nữ: 27 cháu; DT: 17 cháu; Nữ DT: 7 cháu; HN: 21 cháu; CN: 6 cháu.

Khối Lá:( trẻ 5 tuổi) 03 lớp = 77 cháu.Trong đó: Nữ:40 cháu; DT: 24 cháu; Nữ DT:14 cháu; HN: 39 cháu; CN: 15 cháu.

**\* Đội ngũ:**

Tổng số: 30 người. *Trong đó*:

Cán bộ quản lý: 02 người.

Giáo viên: 22 người. Trong đó: Nữ: 22; Dân tộc: 05; Nữ dân tộc: 04 ( Biên chế: 22 người)

Nhân viên: 05(Biên chế: 01 người; hợp đồng 68: 7 người)

Trong đó: Kế toán + Văn thư: 01 người.

Bảo vệ: 01 người.

**\* Trình độ đào tạo chuyên môn**

Sơ cấp: 04 người (cấp dưỡng)

Trung cấp: 03 người ( 01 giáo viên, 02 nhân viên)

Cao đẳng : 4 người ( 4 GV).

Đại học: 28 người ( 01 CBQL, 25 GV, 01 NV)

**\* Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học:**

 Cơ sở vật chất có 10 phòng, trong đó tỷ lệ bán kiên cố 85%.

 Đồ dùng dạy học đảm bảo phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

 **II. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG**

 1. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lí nhà nước đối với GDMN; quản trị trường học đảm bảo dân chủ, kỷ cương nề nếp, chất lượng, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trong quản lý cáchoạt động giáo dục ở cơ sở GDMN.

 2. Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em; đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thí điểm thực hiện Chương trình GDMN mới.

 3. Thực hiện công tác rà soát sắp xếp trường lớp, quy hoạch mạng lưới cơ sở GDMN theo quy định, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non, thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi (PCGDMNTNT).

 4. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới; xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm đủ giáo viên (GV) theo quy định; triển khai hiệu quả công tác đánh giá, bồi dưỡng CBQL, GVMN theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

 5. Tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN; tăng cường đầu tư các nguồn lực và thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

 6. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em mầm non, quan tâm đến đối tượng là trẻ em mầm non ở khu vực có khu công nghiệp (KCN), người dân tộc thiểu số (DTTS), người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

 7. Thực hiện công tác tuyên truyền về GDMN với nhiều hình thức hiệu quả; triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) trong GDMN.

 **III.**  **NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

**1. Đổi mới công tác quản lý giáo dục**

 ***1.1. Chủ động tham mưu, ban hành, triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN***

 Chỉ tiêu:

 - 100% cán bộ giáo viên trong nắm được các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN, văn bản quản lý chỉ đạo của ngành, lưu giữ đầy đủ và khoa học.

 Biện pháp:

 - Tăng cường công tác phối hợp giữa phòng GDĐT với các phòng, ban ngành ở địa phương, làm tốt công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản liên quan đến công tác GDMN bảo đảm nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời, chất lượng, hiệu quả; tiếp tục tham mưu Huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện ban hành các chính sách đặc thù của địa phương; tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN1;

 - Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở GDMN phục vụ nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ em là con công nhân, người lao động ở các KCN và của người dân ở những nơi tập trung đông dân cư.

 - Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo2. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các cá nhân, tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để phát triển GDMN phù hợp với địa phương theo quy định của pháp luật.

 - Tăng cường công tác hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra, rà soát, nắm thông tin về việc quản lý và triển khai thực hiện các dịch vụ hỗ trợ nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN bảo đảm đúng quy định, phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở GDMN.

- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chính sách đối với trẻ em, CBQL, GV, nhân viên (NV) và cơ sở GDMN theo quy định.

 - Ưu tiên, lồng ghép các nguồn lực các đề án, dự án, chương trình3, đầu tư cơ sở vật chất (CSVC), đội ngũ và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT, tiến tới thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi và đổi mới Chương trình GDMN.

***1.2. Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới công tác quản lý trong cấp học GDMN theo hướng phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình***

 Chỉ tiêu:

 - 70 % giáo viên được kiểm tra chuyên đề; 30% giáo viên KT toàn diện (Kiểm tra đột xuất)

 - 100% các lớp được kiểm tra về các mặt, các hoạt động trong năm học theo kế hoạch. Kiểm tra về xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ nhóm chuyên môn, của cá nhân giáo viên; thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua; công tác nuôi ăn bán trú.

 - 100% các nhóm lớp thực hiện và hoàn thành các tiêu chí thi đua theo nhiệm vụ năm học do nhà trường đề ra.

 Biện pháp:

 - Thực hiện quy định việc tổ chức hoạt động cơ sở GDMN; tăng cường tính chủ động xây dựng kế hoạch và công tác phối hợp giữa ban giám hiệu, các tổ khối, đoàn thể trong kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhà trường; chấn chỉnh công tác quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục, bảo đảm an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN.

 - Thực hiện quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục được quyết định các hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục để đáp ứng mục tiêu Chương trình GDMN, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở GDMN.

 - Thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động ở cơ sở GDMN theo quy định nhằm phát huy vai trò của các chủ thể trong việc tham gia xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát, sử dụng các nguồn lực để tổ chức các hoạt động trong cơ sở GDMN; bảo đảm đầy đủ, kịp thời đúng quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT.

 - Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, kịp thời về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong cơ sở GDMN; sử dụng hệ thống hồ sơ sổ sách đúng quy định, khoa học, tinh gọn và số hóa hồ sơ sổ sách đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ trong cơ sở GDMN.

 - Tăng cường công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, các ban, ngành, tổ chức xã hội, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong quản lý GDMN.

 - Tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, đoàn thể, tổ chức xã hội góp phần tổ chức tốt các hoạt động giáo dục tại cơ sở GDMN; huy động các lực lượng xã hội trong công tác tuyên truyền, phổ biến về vai trò của cấp học GDMN đối với sự hình thành và phát triển về nhân cách của trẻ em.

 - Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính trong cơ sở GDMN; thực hiện các khoản thu theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 1375/SGDĐT- KHTC ngày 22/8/2024 của Sở GDĐT về hướng dẫn thực hiện các khoản thu và chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2024-2025; Công văn số 386/PGDĐT ngày 06/9/2024 của Phòng GDĐT huyện về việc thực hiện các khoản thu và chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục thuộc huyện, năm học 2024-2025.

***2. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em***

 ***2.1. Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh***

 **Chỉ tiêu:**

Chỉ tiêu:

100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về tinh thần và thể chất khi ở trường, lớp.

Xây dựng “Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích”, phòng chống bạo hành trẻ.

 Xây dựng, kế hoạch, phương án phòng chống cháy nổ, phương tiện, phương án PCCC đảm bảo còn hạn sử dụng, 100% GV, NV được tập huấn kỹ năng phương án PCCC, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ, kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu.

 Trang bị hệ thống camera an ninh trường học.

 Biện pháp:

 - Nhà trường tăng cường quán triệt và nghiêm túc thực hiện các văn bản quy định về công tác phòng chống bạo hành trẻ em, bảo đảm an toàn trường học; triển khai thực hiện quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN.

 - Tăng cường lồng ghép, tích hợp hiệu quả trong tổ chức bồi dưỡng chuyên môn kiến thức pháp luật liên quan đến công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em; chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ em; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát GDMN trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

 - Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các nguy cơ có thể xảy ra và các biện pháp, kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích đối với trẻ em trong cơ sở GDMN; lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an toàn cho trẻ em. Phối hợp với ngành Y tế địa phương trong việc thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh; xây dựng các phương án sẵn sàng ứng phó với những diễn biến phức tạp, đảm bảo thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em theo quy định của Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương nếu xảy ra thiên tai, dịch bệnh. ***2.2. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN***

***2.2.1 Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong cơ sở GDMN***

**Chỉ tiêu:**

100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Thực hiện lịch khám cho trẻ định kỳ 2 lần/năm học.

100% bếp ăn cam kết đảm bảo VSATTP

Giảm tỉ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân xuống 4%; thể thấp còi xuống 5% và khống chế tỉ lệ trẻ thừa cân, béo phì.

Trường có tủ thuốc y tế thực hiện việc sơ cứu ban đầu cho trẻ.

100% CB, GV, NV khám sức khỏe 1 lần/năm học

Nhà trường có cán bộ phụ trách y tế.

Xây dựng bảng thời bảng gian biểu, quy trình chế biến món ăn cho trẻ

Thực hiện công tác tuyên truyền công tác CSND tại trường.

Biện pháp:

 - Nhà trường thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức y tế Thế giới; phối hợp với ngành y tế thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em trong các cơ sở GDMN.

 - Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức công tác nuôi dưỡng theo quy định về số bữa ăn, nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp; phối hợp với ngành y tế bảo đảm an toàn thực phẩm trong các cơ sở GDMN theo quy định; tuyệt đối không thực hiện hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn cho trẻ em tại cơ sở GDMN. Tăng cường các điều kiện bảo đảm tổ chức bữa ăn cho trẻ tại cơ sở GDMN; Tăng cường công tác kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm, kịp thời chấn chỉnh, xử lý những sai phạm trong công tác nuôi dưỡng cho trẻ tại nhà trường.

 - Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì. Đặc biệt, năm học 2024-2025, nhà trường tăng cường lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ em. Bảo đảm hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non tham gia Dự án Sức khỏe và Dinh dưỡng học đường tiếp tục xây dựng kế hoạch duy trì thực hiện sau khi kết thúc Dự án.

 ***2.2.2. Đổi mới các hoạt động giáo dục trong cơ sở GDMN***

 ***Chỉ tiêu:***

100% các nhóm/ lớp triển khai thực hiện chương trình GDMN đúng khung, thời gian quy định; thực hiện chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm”

Xáy dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục phủ hợp với đặc điểm nhà trường, địa phương.

100% giáo viên tiếp cận với xây dựng kế hoạch giáo dục trên phần mềm quản lý giáo dục.

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%

Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

100% trẻ diện chính sách được thụ hưởng đúng chế độ theo quy định.

100% trẻ được rèn kỹ năng sống, được tham gia các hoạt động trải nghiệm, các hội thi: Hội thi Giáo viên mầm non dạy giỏi cấp trường, năm học 2024-2025 cấp huyện, tỉnh; Hội thi Giao lưu tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số cấp huyện, tỉnh.

 Hội thi Vẽ tranh dành cho trẻ MG 5 tuổi cấp huyện, tỉnh; Hội thi Bé với an toàn giao thông cấp huyện, tỉnh;

100% trẻ được đánh giá theo ngày, cuối tháng và cuối độ tuổi. Phấn đấu cuối năm đạt:

\* Đối với nhà trẻ:

- PT thể chất đạt 95% trở lên

- PT ngôn ngữ đạt 90% trở lên

- PT nhận thức đạt 93% trở lên

- PT TC – QHXH đạt 95% trở lên

\* Đối với mẫu giáo:

- PT thể chất đạt 95% trở lên

- PT ngôn ngữ đạt 94% trở lên

- PT nhận thức đạt 95% trở lên

- PT TC – QHXH đạt 95% trở lên

- PT thẩm mỹ đạt 95% trở lên

Thực hiện điểm lớp lá 1, lá 2: Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm

Lớp lá 3, lá 4: Kỹ sống, phòng chống TNTT

Lớp chồi 1, 2, 3: Không gian sáng tạo, môi trường giáo dục xanh

Lớp mầm, nhà trẻ: Phát triên ngôn ngữ; TCXH cho trẻ

 Biện pháp:

 - Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và phát triển Chương trình trong cơ sở GDMN: triển khai các giải pháp, phát huy tính chủ động của nhà trường trong việc phát triển Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương, khả năng và nhu cầu của trẻ.

 - Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em theo Chương trình GDMN, khuyến khích tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi… cho trẻ; bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

 - Khuyến khích GDMN nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, trường lớp.

 - Nhà trường tập trung chuẩn bị tốt điều kiện về các nguồn lực và năng lực đội ngũ cho việc thí điểm Chương trình GDMN mới; triển khai thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (khi có kế hoạch, công văn hướng dẫn cụ thể của Bộ GDĐT ban hành).

 - Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 và Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 17/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số”, cụ thể: bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL, GVMN về tăng cường tiếng Việt cho trẻ em DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; đầu tư CSVC trường lớp và xây dựng cảnh quan môi trường tăng cường tiếng Việt cho trẻ; tiếp tục thực hiện đúng, đầy đủ chính sách đối với trẻ em và giáo viên trực tiếp dạy trẻ em người DTTS theo quy định; nâng cao chất lượng tăng cường chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp Một; Kế hoạch số 122/KH- UBND ngày 09/5/2022 của UBND huyện về Thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016- 2020, định hướng đến năm 2025” trên địa bàn huyện, chú ý khai thác các yếu tố văn hoá, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ nhằm hỗ trợ tốt nhất cho sự phát triển của trẻ.

 - Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-PGDĐT ngày 13/8/2021 của Phòng GDĐT huyện về xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, tổng kết, đánh giá thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021- 2025” bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện của địa phương, của cơ sở GDMN; nhân rộng các mô hình, điển hình thực hiện tốt Chuyên đề; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về kết quả, ưu điểm thực hiện Chuyên đề, bài học kinh nghiệm, mô hình sáng tạo.

 - Bảo đảm chất lượng giáo dục hoà nhập trẻ em khuyết tật: thực hiện nghiêm túc các quy định về giáo dục hòa nhập; truyền thông nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ và cộng đồng về giáo dục hòa nhập đối với trẻ em và trẻ khuyết tật để đảm bảo cơ hội cho trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại cơ sở GDMN. Tăng cường năng lực cho đội ngũ CBQL, GVMN trong quản lý và thực hiện giáo dục trẻ khuyết tật. Rà soát việc thực hiện chính sách đối với những cơ sở GDMN đang có trẻ khuyết tật học hòa nhập nhằm đảm bảo quyền lợi cho trẻ em và giáo viên theo quy định của pháp luật.

 - Tăng cường lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả trong tổ chức thực hiện Chương trình GDMN: giáo dục quyền con người, giáo dục giới, an toàn giao thông, kĩ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

 - Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp một: Phối hợp với gia đình, cộng đồng tuyên truyền việc trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN bảo đảm điều kiện vào học lớp một; tăng cường các giải pháp thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào học lớp một; tuyệt đối không dạy trước Chương trình lớp Một cho trẻ em 5 tuổi dưới mọi hình thức.

 3. Đảm bảo các điều kiện về trường lớp, cơ sở vật chất, đội ngũ

 3.2. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp

Chỉ tiêu:

Về huy động trẻ đến trường.

Toàn trường: 229/254, tỉ lệ huy động đạt 90%

- Nhà trẻ:

+ Huy động: 02 nhóm trẻ 32/39 (trẻ từ 24 đến 36 tháng), tỉ lệ huy động đạt 82% độ tuổi

- Mẫu giáo:

+ Huy động: 08 lớp 197/215, tỉ lệ huy động đạt 91.6% độ tuổi (Mầm: 3 lớp = 60 trẻ; Chồi: 2 lớp = 60 trẻ; Lá: 3 lớp = 77 trẻ)

Tỉ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến trường đạt từ 44.8% trở lên; Tỉ lệ huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến trường đạt từ 93.9% trở lên.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Độ tuổi | Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần | Tỷ lệ trẻ ăn bán trú |
| 1. Trẻ nhà trẻ
2. Trẻ mẫu giáo 3,4 tuổi
3. Trẻ mẫu giáo 5 tuổi
 | 87%88-93%97-100% | 100%100%100% |

Trẻ khuyết tật: 06 cháu (01 thần kinh, 02 cháu nghe nói, 3 cháu khuyết tật vận động)

\* Phấn đấu đạt tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần và tỷ lệ trẻ ăn bán trú:

 *Biện pháp:*

Tham mưu UBND xã làm hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất tại điểm trường thôn 10; tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW, Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018, Công văn số 826/BGDĐT-CSVC ngày 29/2/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở GDMN, phổ thông và thường xuyên, Quyết định số 877/QĐ-UBND và các quy định của pháp luật hiện hành; tăng cường đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non, thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT.

***3.2. Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia:***

 ***Chỉ tiêu:***

***Về CSVC:***

Điểm thôn 10: xin kinh phí UBND huyện ốp gạch tường sửa chữa 6 phòng học bị rêu tường; sửa 6 nhà vệ sinh bị ứ nước; làm nhà để xe cho CB, GV, NV.

Xin Ban quản lý dự án, đầu tư xây dựng công trình giao thông và Nông nghiệp PTNT tỉnh Đak Lak:

 1. Mua 10 máy vi tính bàn phục vụ công tác dạy và học cho 10 nhóm/lớp.

 2. Mua 08 Tivi thông minh để dạy học cho 8 lớp còn lại chưa có.

 3. Mua 20 quạt hơi nước 10 nhóm/lớp

 4. Trang bị mua mới cho nhà trường 01 bộ bàn ghế làm việc, hội họp tại văn phòng khu nhà hiệu bộ mới sắp bàn giao tại thôn 10 xã Ya Tờ Mốt.

 5. Trang bị mua mới 100 bộ bàn ghế nhựa đúc nguyên sinh cao cấp HPPE (không dùng nhựa tái sinh), cho học sinh mầm non

 6. Làm sân khấu ngoài trời và mái che sân khấu tại khu nhà hiệu bộ sắp bàn giao tại thôn 10.

 7. Làm khu nhà vận động để đồ chơi ngoài trời tại khoảng trống giữa bếp ăn và dãy 4 lớp học tại thôn 10

 Nhà trường dùng nguồn ngân sách để: trang trí văn phòng mới, mua sắm bàn ghế, tủ, kệ cho các phòng làm việc để chuyển trụ sở làm việc; mua 15 bi cống, láng hành lang cổng trường thôn 9 để phụ huynh đứng đón con; trồng hệ thống bồn hoa, cây cảnh, trang trí sân chơi, vườn trường; bổ sung thiết bị cho phòng chức năng để đưa vào hoạt động.

 Bổ sung các thiết bị phục vụ bếp ăn bán trú: thay thế, sửa chữa linh kiện hệ thống máy lọc nước bếp ăn, bổ sung đèn chống côn trùng; đèn UV diệt khuẩn máy lọc nước, mua thùng chứa nước bằng inox cho bếp ăn và 10 lớp; bổ sung thiết bị phục vụ PCCC; thay thế sửa chữa bóng điện, quạt, dây điện, bóng điện cho các lớp và hỗ trợ mua sắm một số đồ dùng dạy học cho giáo viên …

 Duy trì kiểm định chất lượng mức độ 2, tiến tới nâng điểm định lên mức độ 3, trường chuẩn quốc gia lên mức độ 2 vào năm 2025

 Mua sắm bổ sung 90% đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo TT02, mua thêm 2 quạt nước, 1 máy in cho bộ phận tài vụ làm việc.

 ***Biện pháp:***

 - Khai thác nguồn lực từ các Chương trình Mục tiêu Quốc gia, ưu tiên đầu tư cho cấp học mầm non. Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng trường, lớp, CSVC, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN, yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT, hướng đến phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi. Phấn đấu đạt các mục tiêu đã được đề ra trong Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

 - Tiếp tục lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn để cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, bảo đảm tỉ lệ 01 phòng học/nhóm, lớp; nâng cao tỷ lệ phòng học kiên cố, thay thế phòng học tạm/nhờ, mượn; bổ sung các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo yêu cầu chuẩn hóa và hiện đại.

 - Đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách về huy động nguồn lực của xã hội đầu tư cho GDMN theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP.

 - Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận lại đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở GDMN vào năm 2025; tham mưu, có kế hoạch, phối hợp các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới và bảo đảm các tiêu chí duy trì chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT. 2025; bồi dưỡng, đào tạo giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục sửa đổi 2019; tiếp tục triển khai Kế hoạch tổng thể thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của GVMN theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và theo Kế hoạch thực hiện nâng chuẩn được đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tỉnh Đắk Lắk hằng năm do UBND tỉnh ban hành; tiếp tục thực hiện việc đánh giá đội ngũ CBQL, GV theo quy định. Chủ động, tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo GVMN thực hiện việc bồi dưỡng đội ngũ GV, CBQL theo quy định.

 - Tiếp tục tham mưu với HĐND, UBND cấp huyện có các chính sách ưu đãi, tôn vinh, biểu dương đối với những nhà giáo tiêu biểu, có đóng góp tích cực hoặc có thành tích đột xuất trong ngành Giáo dục, có chính sách thu hút GVMN. ***3.3. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới.***

 **Chỉ tiêu:**

Tổng số CB, GV, NV: 30 người. Trong đó,

 CBQL: 03 người (ĐH: 03)

 GV: 22 người/10 nhóm lớp đạt tỉ lệ 2.2GV/lớp (ĐH: 22)

 NV: 01 người (kế toán ĐH)

HĐ 68: 04 người.

 Giáo viên trong biên chế Nhà nước: 22/22 = 100%;

 Nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp

100% giáo viên có trình độ ĐH, tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn

 Trường có chi bộ đảng, 50% đội ngũ nhà trường là đảng viên, trong đó: 100% CBQL và phấn đấu trên 70% giáo viên là đảng viên.

100% cán bộ quản lý có trình độ LLCT; quản lý nhà nước về giáo dục.

100% giáo viên dạy lớp 5 tuổi đạt trình độ trên chuẩn

100% nhân viên cấp dưỡng có chứng chỉ từ sơ cấp đến trung cấp nấu ăn.

100% giáo viên có trình độ tin học cơ bản đảm bảo sử dụng thành thạo máy tính; 100% ứng dụng các phần mềm dạy học; 80%e biết thiết kế bài giảng điện tử

 100% GV,NV được kiểm tra HSSS 4 lần/năm học, được dự giờ đột xuất và báo trước 2 đến 3 lần/năm học; kiểm tra chuyên đề (70%), hoạt động sư phạm (30%) giáo viên – nhân viên.

Xếp loại chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT; xếp loại chuẩn nghề nghiệp GVMN theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT 100% đạt loại khá, tốt.

100% CB, GV, NV thực hiện tự đánh giá Chuẩn nghề nghiệp theo TT 26. HT, PHT tự đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng theo TT 25 đúng quy trình.

100% CB, GV, NV được đánh giá hàng tháng theo quy định. Xếp loại công chức, viên chức theo Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP, ngày 17/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn giáo viên hàng năm đạt tỷ lệ 100% đạt loại tốt, khá.

 Biện pháp:

 - Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác tham mưu UBND các cấp đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo quy định, bố trí tối thiểu 02 giáo viên/lớp; chủ động tham mưu đảm bảo điều kiện đội ngũ thực hiện Chương trình GDMN mới. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với GVMN theo quy định hiện hành.

 - Triển khai hiệu quả chất lượng công tác nâng cao năng lực chuyên môn CBQL, GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; bồi dưỡng đội ngũ để chuẩn bị thực hiện Chương trình GDMN mới. cơ sở GDMN thực hiện lựa chọn nội dung, hình thức bồi dưỡng phù hợp, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu, bối cảnh cụ thể của địa phương, nhằm thúc đẩy tinh thần học tập, chia sẻ giữa các tổ, nhóm, GV trong cơ sở GDMN, giữa các cơ sở GDMN trong địa bàn huyện, tỉnh..; khuyến khích CBQL, GVMN tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu thông qua nhiều hình thức khác nhau; quan tâm bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GVMN tại cơ sở GDMN ngoài công lập và GV người DTTS, hỗ trợ GV sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

 - Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý, nâng cao đạo đức nhà giáo.

- Rà soát, đánh giá kết quả đạt được và tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN giai đoạn 2019 - 2025; bồi dưỡng, đào tạo giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục sửa đổi 2019; tiếp tục triển khai Kế hoạch tổng thể thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của GVMN theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và theo Kế hoạch thực hiện nâng chuẩn được đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tỉnh Đắk Lắk hằng năm do UBND tỉnh ban hành; tiếp tục thực hiện việc đánh giá đội ngũ CBQL, GV theo quy định. Chủ động, tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo GVMN thực hiện việc bồi dưỡng đội ngũ GV, CBQL theo quy định.

 - Tiếp tục tham mưu với HĐND, UBND cấp huyện có các chính sách ưu đãi, tôn vinh, biểu dương đối với những nhà giáo tiêu biểu, có đóng góp tích cực hoặc có thành tích đột xuất trong ngành Giáo dục, có chính sách thu hút GVMN. ***4. Củng cố, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT và chuẩn bị phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi***

 **Chỉ tiêu:**

Giữ vững kết quả được công nhận là xã đạt chuẩn PCGDMNT5T

 Biện pháp:

 - Thực hiện công tác kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGDMNTNT đúng quy định: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục (PCGD), xóa mù chữ (XMC) và Thông tư số 07/2016/TT- BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC.

 - Kiện toàn Ban chỉ đạo PCGD-XMC các cấp: các địa phương tiếp tục rà soát, tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố bổ sung các điều kiện đội ngũ và CSVC bảo đảm để thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT; Tăng cường nguồn lực, ưu tiên bảo đảm ngân sách để hoàn thành mục tiêu về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2030 theo Nghị quyết số 42- NQ/TW và Nghị quyết số 68/NQ-CP. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kết quả thực hiện PCGD-XMC theo quy định.

 - Khi thực hiện công tác phổ cập GDMN, lưu ý việc tính tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp từ trẻ em 3 tháng tuổi trở lên theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Giáo dục 2019: “GDMN thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi”.

 ***5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số***

 **Chỉ tiêu**:

Nhà trường có website, fanpage khai thác và sử dụng có hiệu quả

100% giáo viên xây dựng kế hoạch hoạt động của trẻ trên phần mềm, có kỹ năng xây dựng thư viện bài giảng điện tử, vi deo hướng dẫn các hoạt động CS GD trẻ.

Nhà trường thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong quản lý và các hoạt động khác.

100% CB, GV biết sử dụng các phần mềm: phần mềm tuyển sinh trực tuyến; Cơ sở dữ liệu ngành; phần mềm tuyển sinh; phần mềm kế toán - tài chính – tài sản phần mềm kế hoạch giáo dục hàng ngày, phần mềm zoom meeting, Google Meet, zalo,facebook để hỗ trợ công tác quản lý và công tác CS GD trẻ.

90% giáo viên có ít nhất 2-3 bải giảng điện tử/năm học.

Mỗi tháng Ban quản trị wep đăng ít nhất 4-6 bài lên trang TTĐT của nhà trường.

 **Biện pháp:**

 - Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT, CĐS trong cơ sở GDMN:

+ Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và CĐS ở cơ sở GDMN, đặc biệt trong công tác quản trị, quản lý trong tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục để nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN.

+ Phát hiện các điển hình, mô hình CĐS làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện CĐS trong cấp học GDMN.

 - Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong GDMN: nâng cao chất lượng các kho học liệu số gồm bài giảng, trò chơi, học liệu... chia sẻ dùng chung toàn trường, toàn huyện; lựa chọn các sản phẩm có chất lượng về các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để chia sẻ dùng chung toàn tỉnh thông qua các nền tảng số.

 - Huy động các nguồn lực tham gia để tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và CĐS trong cơ sở GDMN: đầu tư, xây dựng hạ tầng số (phòng học thông minh, phòng học kết nối, thiết bị số…); hỗ trợ GV trong thiết kế giáo án điện tử, số hoá tài liệu, học liệu và các nội dung hỗ trợ CBQL, GV, cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; bồi dưỡng nâng cao năng lực số, phát triển kĩ năng số cho đội ngũ CBQL, GV, nhân viên trong cơ sở GDMN.

***6. Phát động phong trào thi đua, đẩy mạnh công tác truyền thông***

**Chỉ tiêu:**

100% các nhóm lớp và giáo viên có bài viết tuyên truyền đăng trên trang Website của trường; nhà trường tích cực phát triển trang Website sinh động phong phú về các hoạt động quản lý, hoạt động chuyên môn GDMN; Xây dựng Kế hoạch xã hội hoá giáo dục, vận động tài trợ, tham mưu, truyền thông về nhà trường cụ thể và hiệu quả; Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt hệ thống kế hoạch đó.

 Biện pháp:

 - Tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua phù hợp với thực tiễn địa phương, trường lớp; nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hay tạo sức lan tỏa tích cực trong toàn ngành để biểu dương, khen thưởng.

 - Tiếp tục chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ ngành và của địa phương về GDMN, đặc biệt là tuyên truyền về Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trongđiều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"; phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường truyền thông, tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp phát triển GDMN.

 - Đẩy mạnh truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN; phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng; đa dạng các kênh truyền thông, lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài cơ sở GDMN cùng chăm lo phát triển GDMN.

 - Tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả công tác truyền thông, các vấn đề xã hội quan tâm để nhân dân, phụ huynh hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đồng hành cùng nhà trường.

 7. Công tác kiểm tra đối với giáo dục mầm non

 - Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, giám sát về việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với GDMN theo hướng phân cấp, hiệu quả, đề cao vai trò giám sát, thúc đẩy, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho CBQL, GVMN, cơ sở GDMN; bảo đảm công khai, minh bạch, thực chất nhằm mục đích thực hiện nghiêm túc các quy định và nâng cao chất lượng thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN.

 - Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của cơ sở GDMN theo quy định. Đôn đốc, hướng dẫn, các cơ sở GDMN thường xuyên tự kiểm tra, rà soát, đánh giá về bảo đảm an toàn trường học; thực hiện công tác kiểm tra đảm bảo đúng quy định; phối hợp các đơn vị, các cơ quan liên quan trong kiểm tra, giám sát. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các nhóm, lớp mầm non độc lập, tư thục; giám sát, đôn đốc việc thực hiện kết quả kiểm tra và có biện pháp xử lý kịp thời những vi phạm tồn tại lâu dài, tiềm ẩn rủi ro, nguy cơ mất an toàn trong cơ sở GDMN. Tăng cường kiểm tra, giám sát các khoản thu đầu năm học; xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý tài chính theo thẩm quyền nhằm chấn chỉnh tình trạng lạm thu, thu sai quy định trong các cơ sở GDMN.

8. Thi đua khen thưởng:

 Chỉ tiêu:

- Tập thể nhà trường phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

- Cá nhân: Lao động tiên tiến: 15/30 đ/c; trong đó CSTĐ cấp cơ sở 02 đ/c

Biện pháp:

- Nhà trường phát động phong trào thi đua ngay từ đầu năm học. CB, GV, NV các tổ cam kết đăng ký thi đua.

- Xây dựng tiêu chí thi đua phù hợp theo nhiệm vụ năm học của nhà trường.

- Thực hiện theo dõi thi đua hàng tháng, công khai bàn bạc thống nhất, sơ tổng kết định kỳ, thực hiện theo dõi thi đua, bình xét thi đua công khai, minh bạch, hợp lý, đúng quy định. Đánh giá thi đua dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN, kết quả đánh giá chuẩn cán bộ quản lý trường MN và kết quả tập thể nhà trường theo hướng dẫn đánh giá cuối năm học.

- Chỉ đạo cán bộ giáo viên, các tổ nhóm chuyên môn thực hiện nghiêm túc kế hoạch của nhà trường, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đề ra

**IV. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU**

 **1. Công tác quản lý**

Kiểm tra toàn diện GV: 7/22 giáo viên, tỷ lệ 31%.

Kiểm tra chuyên môn, chuyên đề: 15/22 giáo viên, tỷ lệ 69%.

Kiểm tra hồ sơ sổ sách tổ khối: 01/tháng; giáo viên: tùy theo tình hình, ít nhất 3 lần/năm học.

Xây dựng và tổ chức tốt các Hội thi cấp trường theo sự chỉ đạo của Phòng GDĐT, tham gia các Hội thi do các cấp tổ chức.

Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, chất lượng trẻ, môi trường sư phạm 10/10 nhóm, lớp. Xây dựng và tổ chức tốt các Hội thi làm đồ dùng cấp trường, đồ chơi cấp trường . Tham gia đánh giá CBQL,GV theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non/1 năm một lần.

 **2. Giáo viên**

100% CBGV-NV an tâm công tác, 100% giáo viên không vi phạm quy chế chuyên môn.

100% giáo viên không vi phạm đạo đức nhà giáo.

100% giáo viên lên lớp phải có đồ dùng dạy học trực quan.

100% giáo viên thực hiện tốt công tác chủ nhiệm lớp. (Trong đó; nền nếp lớp, sỹ số học sinh, mối liên hệ giữa giáo viên và phụ huynh, trang trí lớp, môi trường trong và ngoài lớp).

100% giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên.

100% giáo viên tham gia thao giảng (Chia thành 2 đợt), trong đó Giỏi: 70%, Khá: 30 %, Trung bình: 0%, không có yếu kém.

SKKN đạt được 15 bộ cấp trường trở lên, 3- 4 bộ cấp huyện trở lên.

 **2. Chất lượng giáo dục**

Phát triển 5 mặt giáo dục đạt từ 90% trở lên.

Bé ngoan đạt 85% trở lên. Bé ngoan xuất sắc 30% - 35 % trở lên.

Chuyên cần: 95 - 98% trở lên; Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình 100%.

+ Chất lượng các hội thi:

- Thi GVDG cấp trường đạt 22/22 giáo viên.

 **4.**  **Mục tiêu cụ thể**

 **4.1. Mục tiêu phát triển trẻ nhà trẻ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Các lĩnh vực phát triển  | Tổng số trẻ | Tỷ lệ trẻ đạt | Tỷ lệ trẻ chưa đạt |
| SL | % | SL | (%) |
| 01 | Phát triển thể chất | 32 | 29 | 90,6 | 3 | 9,4 |
| 02 | Phát triển nhận thức | 32 | 30 | 93,7 | 2 | 6,3 |
| 03 | Phát triển ngôn ngữ | 32 | 29 | 90,6 | 3 | 9,4 |
| 04 | Phát triển TC,KNXH – TM  | 32 | 29 | 90,6 | 3 | 9,4 |

 **MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC NHÀ TRẺ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LĨNH VỰC** | **MỤC TIÊU GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC** |
| **1. Phát triển thể chất** | **a. Phát triển vận động** |
| **MT1:** Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi :+ Cân nặng của trẻ trẻ trai: 11,3 - 18, 3 kg; Trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg+ Chiều cao của trẻ trai: 88,7 – 103,5 cm; Trẻ gái: 87,4 – 102,7 cm. | - Thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lí, lên thực đơn phù hợp theo mùa và nhu cầu dinh dưỡng của trẻ.- Cho trẻ ăn, trẻ ngủ đảm bảo tại trường Mầm non.- Cân đo chấm biểu đồ theo quý để nắm được mức độ phát triển của trẻ- Kết hợp với trạm y tế khám sức khỏe định kì 2 lần/năm- Phối kết hợp với phụ huynh, trao đổi về tình hình sức khỏe của trẻ. |
| ***\* Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp*** |
| **MT2:** Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/ bụng và chân. | - Hô hấp; Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay- Lưng, bụng, lườn: Cúi người về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên- Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân |
| ***\* Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu*** |
| **MT3:** Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi chạy, thay đổi tốc độ nhanh chậm, đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. | - Tập đi, chạy+ Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp+ Đi có mang vật trên tay+ Chạy theo hướng thẳng+ Đứng co 1 chân  |
| **MT4:** Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt; Sau đó nhún bật theo yêu cầu của cô | - Tập nhún bật+ Bật tại chỗ+ Bật qua vạch kẻ |
| **MT5:** Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt; tung- bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1- 1,2 m. | - Tập tung, ném, bắt + Tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m+ Ném vào đích xa 1- 1,2 m |
| **MT6:** Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò giữ được vật trên lưng. | - Tập bò, trườn+ Bò thẳng hướng và có vật trên lưng+ Bò chui qua cổng+ Bò, trườn qua vật cản |
| **MT7:** Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng, ném xa lên phía trước bằng 1 tay ( tối thiểu 1,5m) | + Ném bóng về phía trước+ Ném bóng vào đích  |
| **MT 8 :** Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp về kỹ năng đi, chạy, bật, bước, ném, bò, tung...: | - Các bài tập vận động liên hoàn.+ Bò, bật, chạy, tung, ném .... |
| ***\* Thực hiện VĐ cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt*** |
| **MT9:** Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo” | - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo. Vò , xé, múa khéo- Đóng cọc bàn gỗ- Nhón nhặt đồ vật |
| **MT 10:** Trẻ biết phối hợp cử động được bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. | - Tập xâu luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây- Chắp ghép hình- Chồng, xếp 6-8 khối- Tập cầm bút tô, vẽ- Lật mở trang sách |
| **b.Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** |
| ***\* Có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt*** |
| **MT 11:** Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống |
| **MT12**. Tập luyện nề nếp, thói quen trong sinh hoạt. | - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong sinh ăn uống.- Luyện thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa.- Luyện 1 số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; vứt rác, đi vệ sinh đúng nơi quy định. |
| **MT13:** Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. | - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. |
| ***\* Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe*** |
| **MT14:** Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh..) | + Chuẩn bị chỗ ngủ- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. |
| **MT15:** Trẻ chấp nhận đội mũ khi ra nắng, đi giầy dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. | - Đội mũ khi ra nắng, đi giầy dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh |
| ***\* Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn*** |
| **MT16:** Trẻ biết một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước giếng) khi được nhắc nhở. | - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước giếng) |
| **MT17:** Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn..) khi được nhăc nhở. | - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo tròe lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn…) |
|    **2. Phát triển nhận thức** | ***\* Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan*** |
| **MT18:** Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. | - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.- Sờ nắn, nhìn, ngửi.. đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, trơn (nhẵn)- xù xì- Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua) |
| ***\*Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi*** |
| **MT19:** Trẻ biết chơi bắt chiếc một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. | - Một số hành động quen thuộc của những người gần gũi .- Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. |
| **MT20:** Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. | - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân- Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm lớp- Tên và công việc của những người gần gũi trong gia đình- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm / lớp |
| **MT21:** Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. | - Tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tay, tay, chân. |
| **MT22:** Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc. | - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của hoa quả, con vật quen thuộc- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi |
| **MT23:** Trẻ biết chỉ/ nói tên hoặc lấy, hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / vàng/xanh theo yêu cầu. | - Chỉ/ nói tên hoặc lấy, hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh (Đồ dùng đồ chơi, con vật, hoa quả, các PTGT) |
| **MT24**: Trẻ biết chỉ hoặc lấy cất đồ dùng đồ chơi có kích thước to/nhỏ, hình dạng, số lượng theo yêu cầu. | - Chỉ hoặc lấy cất đồ dùng đồ chơi có kích thước to / nhỏ (Đồ dùng đồ chơi, con vật, quả, các PTGT).- Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên- dưới; trước – sau) so với bản thân trẻ- Số lượng (một và nhiều)’’ |
| **MT 25:** Sử dụng lời nói với các mục tiêu khác nhau:- Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân  | Xem tranh và gọi tên các nhân vật sự vật, hành động gần gũi trong tranh. |
|     **3. Phát triển ngôn ngữ** | ***\*Nghe hiểu lời nói***  |
| **MT26:** Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động: VD: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay’’. | - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói- Lắng nghe khi người lớn đọc sách |
| **MT27:** Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “Ai đây?’’. Cái gì đây?’’, “Làm gì ?’’ “Thế nào?’’… | - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai?, Cái gì?, Ở đâu?, Khi nào? ...VD: Con gà gáy thế nào? |
| **MT28:** Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. | Bé lắng nghe cô đọc truyện **-** Đọc các bài thơ ngắn có 3-4 tiếng- Nghe các câu hỏi: Làm gì?, Cái gì?, Để làm gì?, Như thế nào? ở đâu? ... |
| ***\*Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu*** |
| **MT29:** Trẻ phát âm rõ tiếng. | - Phát âm to - rõ ràng- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp |
| **MT30:** Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. | - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. |
| ***\*Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp*** |
| **MT31:** Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm quen thuộc. | - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1, 2 câu đơn giản và câu dài  |
| **MT32:** Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau chào hỏi, trò chuyện. | - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, hành động gần gũi trong tranh |
| **MT33:** Trẻ biết bày tỏ nhu cầu của bản thân. | - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài |
| **MT34:** Trẻ biết hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây?, Cái gì đây?… | - Trả lời và đặt câu hỏi : Cái gì?; Làm gì?;ở đâu?; Thế nào?; Để làm gì?; Tại sao?... |
| **MT35:** Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép. | - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn- Lắng nghe khi người lớn đọc sách |
|    **4. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ** | ***\*Biểu lộ sự nhận thức về bản thân*** |
| **MT36:** Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi). | - Nhận biết tên gọi , một số đặc điểm bên ngoài bản thân- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình |
| **MT37:**Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích. | - Thể hiện điều mình thích và không thích, nhận biết 1 số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên |
| ***\*Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc***  |
| **MT38:** Trẻ nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận. | -Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận. |
| ***\*Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi*** |
| **MT39:** Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói | - Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ lời nói |
| **MT40:** Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. |
|  | **MT41:** Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi, bắt chước tiếng kêu, gọi. | - Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi, bắt chước tiếng kêu gọi- Quan tâm đến con vật |
| ***\*Thực hiện hành vi văn hoá giao tiếp đơn giản*** |
| **MT42:** Trẻ biết chào tạm biệt, cám ơn, ạ ,vâng ạ. | - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp chào tạm biệt, cám ơn, ạ ,vâng ạ, chơi cạnh bạn, không cấu bạn |
| **MT43:** Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại) | - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi: (bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại) |
| **MT44:** Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác | - Giao tiếp với những người xung quanh- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh, không tranh dành đồ chơi với bạn |
| **MT45:** Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn. | - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định |
| **MT46:** Trẻ biết được sự nguy hiểm khi tham gia giao thông và chấp hành đúng luật ATGT. | - Trẻ nói được màu sắc của đèn tín hiệu và tác dụng của đèn.- Giúp trẻ hiểu được một số quy tắc đơn giản như: đi bộ trên vỉa hè, không chạy nhảy trên đường, phải có người lớn dắt khi qua đường.- Khi ngồi trên xe ngồi ngay ngắn, đội mủ bảo hiểm. |
| **MT47:** - Giúp trẻ biết được lửa, khói và các vật dụng dễ cháy.- Hiểu được lửa, khói có thể gây ra những nguy hiểm gì.- Nhận biết được tín hiệu báo cháy (tiếng chuông báo cháy, đèn báo cháy). | - Rèn luyện cho trẻ kỹ năng gọi người lớn khi phát hiện cháy.- Dạy trẻ cách thoát hiểm khi có cháy (đi theo người lớn, bò sát đất để tránh khói).- Rèn luyện phản xạ nhanh khi gặp tình huống nguy hiểm.- Hình thành ở trẻ ý thức cảnh giác với lửa.- Giúp trẻ không sợ hãi khi gặp tình huống cháy nổ. |
| ***\*Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh*** |
| **MT48:** Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc. | - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc |
| **MT49:** Trẻ thích tô màu, vẽ  | - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu(cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). |
| **MT50:** Trẻ thích nặn | -Làm quen với đất nặn, dùng kỹ năng chia đất, lăn dọc, xoay tròn tạo vật |
| **MT51:** Trẻ thích xé, vo tròn giấy | -Trẻ dùng kỹ năng đơn giản xé giấy, vo tròn giấy tạo quả bóng đơn giản |
| **MT52:** Trẻ thích xếp hình, xem tranh  | - Trẻ xếp hình từ các hình hình học- Xem tranh |
|  |  |  |

**4.2. Mục tiêu phát triển trẻ mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Các lĩnh vực phát triển  | Tổng số trẻ | Tỷ lệ trẻ đạt | Tỷ lệ trẻ chưa đạt |
| SL | % | SL | % |
| 01 | Phát triển thể chất | 197 | 195 | 98,9 | 2 | 1,1 |
| 02 | Phát triển nhận thức | 197 | 194 | 98,4 | 3 | 1,6 |
| 03 | Phát triển ngôn ngữ | 197 | 193 | 97,9 | 4 | 2,1 |
| 04 | Phát triển tình cảm xã hội | 197 | 195 | 98,9 | 2 | 1,1 |
| 05 | Phát triển thẩm mỹ( Trừ 5-6 tuổi) | 197 | 194 | 98,4 | 3 | 1,6 |

**Mục tiêu phát triển giáo dục (3-4-5 tuổi**

**MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC KHỐI MẦM**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC** |
| ***I.LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT*** |
| **1/Phát triển vận động:** |
| ***a)Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp*** |
| **MT 1**: Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường cụ thể:  - Trẻ trai: + Cân nặng đạt 12,9 - 20,8kg -> 16,7 + 3,8kg. + Chiều cao đạt 94,4 - 111,5cm -> 102,9 + 8,5 cm.- Trẻ gái: + Cân nặng đạt 12,6 - 20,7kg -> 16,0 + 3,4kg.+ Chiều cao đạt 93,5 - 109,6cm -> 101 + 7,1 cm.Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn | -Ăn hết khẩu phần ăn trong ngày, thích nghi với các loại thức ăn khác nhau, uống đủ lượng sữa và nước trong ngày.- Tập thể dục sáng, các hoạt động thể dục trong ngày và tăng cường vận động- Tổ chức khám sức khoẻ cho trẻ 2lần/năm, cân đo 3lần/năm. Kết quả cân nặng, chiều cao bình thường so với độ tuổi.Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp -Hô hấp: hít vào, thở ra - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. +Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.  - Lưng, bụng, lườn: +Cúi về phía trước. +Quay sang trái, sang phải. +Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: +Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. +Co duỗi chân. |
| ***b)Thể hiện kỹ năng vận động  cơ bản và các tố chất trong vận động*** |
| **MT 2:** Giữ được thăng bằng cơ thể, kiểm soát được vận động khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).***-*** Đi kiễng gót liên tục 3m | Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động+ Đi kiễng gót.+ Đi trong đường hẹp  |
| **MT 3:** Kiểm soát được vân động:- Đi / chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.- Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài | Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động  + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.  + Chạy trong đường dích dắc +Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng |
| **MT 4**: Phối hợp tay - mắt trong vận động:-Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng(khoảng cách 2,5m)-Tự đập – bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm) | -Lăn và bắt bóng với cô-Tung và bắt bóng với cô- Tự đập và bắt bóng– Bắt bóng tại chỗ- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. |
| **MT 5:** Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp như bò trường.+Trườn sấp chui qua cổng+ Bò chui qua cổng.- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài- Trèo lên xuống 3 gióng thang. | +Trườn sấp chui qua cổng+Trườn theo đường dích dắc+ Bò chui qua cổng.+ Bò trong đường hẹp (0,3m x 0,4m) + Bò theo đường dích dắc+ Trườn sấp chui qua cổng, ném trúng đích thẳng đứng+ Trèo lên xuống 3 gióng thang. |
| **MT 6:** Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp- Ném xa bằng 1 tay- Ném xa bằng 2 tay | + Ném trúng đích bằng 1 tay( thẳng đứng, nằm ngang)+ Ném xa bằng 1 tay, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. + Ném xa bằng 1 tay, chạy 15m liên tục theo hướng thẳng. |
| **MT 7:** Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp về kỹ năng bật :- Bật tại chỗ.- Bật về phía trước.- Bật xa 20-25 cm.- Bước lên xuống bục cao | + Bật tại chỗ.+ Bật về phía trước.+ Bật liên tục qua 3-4 vòng+ Bật xa 20 - 25 cm.+ Bật qua chướng ngại vật cao 5-10cm+Bật xa 20 - 25 cm,chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh+ Bật về phía trước.+ Bật liên tục qua 3-4 vòng+ Bật xa 20 - 25 cm.+ Bật qua chướng ngại vật cao 5-10cm+Bật xa 20 - 25 cm,chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh+ Bật qua chướng ngại vật cao 5-10cm,+ Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). |
| **MT 8:** Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp về kỹ năng bật - nhảy, bước, trèo, ném, bò chuyền...: | - Các bài tập vận động liên hoàn.+ Bò, bật, chạy, nhảy, trèo, ném .... |
| ***c)Thực hiện được và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt:*** |
| **MT 9**: Thực hiện được các vận động:* Cuộn - xoay tròn cổ tay.
* Gập, mở, các ngón tay.
 | Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. |
| **MT 10:** Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:- Vẽ được hình tròn theo mẫu.- Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.- Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.- Tự cài, cởi cúc. | Đan, tết.Xếp chồng các hình khối khác nhau.Xé, dán giấy.Sử dụng kéo, bútTô vẽ nguệch ngoạc. Cài, cởi cúc. |
| **2/Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ** |
| ***a)Biết  một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe*** |
| **MT 11:** Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau…Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau | Nhận biết  một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chấtNhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). |
|  ***b)Thực hiện được  một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt*** |
| **MT12:** Thực hiện được một số  việc  đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:- Rửa tay, lau mặt, súc miệng.- Tháo tất, cởi quần, áo  | Làm quen cách đánh răng, lau mặt.Tập rửa tay bằng xà phòng.Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. |
| **MT 13:** Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. | Cách sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. |
| ***c)Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ*** |
| **MT 14:** Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi… | Nhận biết một số thói quen tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi… |
| **MT 15**: Có một số hành vi tốt trong vệ  sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:- Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học.- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. | -Nhận biết trang phục theo thời tiết.-Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. |
| ***d) Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh*** |
| **MT 16:** Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... ) khi được nhắc nhở. | Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm(bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... ) khi được nhắc nhở. |
| **MT 17**: Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi …) khi được nhắc nhở.  |  Nhận biết những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi… |
|  **MT 18**: Biết  tránh một  số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....- Không tự lấy thuốc uống.- Không leo trèo  bàn ghế, lan can.- Không nghịch các vật sắc nhọn.- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. | Nhận biết một  số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:-Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....-Không tự lấy thuốc uống.-Không leo trèo  bàn ghế, lan can.-Không nghịch các vật sắc nhọn.-Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp |
| ***II.LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC*** |
| ***1.Khám phá khoa học:*** |
| ***a)Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng:*** |
| **MT 19:** Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về dối tượng.- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ…để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng | -Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.-Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dung, đồ chơi-Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc và một số luật lệ giao thông đường bộ-Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.-Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.-Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.( mùa hè)- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.-Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày |
| **MT 20:** Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. | -Chơi với các đối tượng gần gũi: đất, đá, cát, sỏi, nước -Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, nước |
| **MT 21:** Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng | Nơi thu thập thông tin: sách, tranh ảnh, internet, trò chuyện |
| **MT 22:** Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. | -Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.-Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dung, đồ chơi |
| ***b)Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản:*** |
| **MT 23:** Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi | Nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. |
| ***c)Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau:*** |
| **MT 24:** Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | Dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. |
| **MT 25**: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình. |  Tìm hiểu, trò chuyện về những công việc, mối quan hệ của con người trong xã hội  |
| **2/Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** |
| **a)*Nhận biết số đếm, số lượng:*** |
| **MT 26**: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng , đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng | Làm quen , chơi,với các con số và đếm các đồ vật xung quanh |
| **MT 27:** Biếtđếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.- Một và nhiều- Biết thêm và bớt đối tượng trong phạm vi 5.- Biết so sánh nhiều hơn, ít hơn các nhóm đối tượng. | **-** Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.- Một và nhiều- Thêm bớt các đối tượng trong phạm vi 5- So sánh nhóm nhiều hơn, ít hơn. |
| **MT 28:** So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | -Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi-Biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. |
| **MT 29**: Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.- Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. | - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5-Tách một nhóm đối tượng thánh các nhóm nhỏ hơn. |
| ***b)Sắp xếp theo qui tắc*** |
| **MT 30**: Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. |  -Xếp xen kẽ |
| ***c)So sánh hai đối tượng*** |
|  **MT 31**: So sánh  hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. | So sánh  hai đối tượng về kích thước  |
| ***d)Nhận biết hình dạng*** |
| **MT 32**: Nhận dạng và gọi tên  các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. | -Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế-Sử dụng các hình hình học để chắp ghép |
| ***e) Nhận biết vị trí trong không gian***  |
| **MT 33**: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. | -Nhận biết phía trên – phía dưới -, phía trước – phía sau, tay phải – tay trái của bản thân. |
| **3/Khám phá xã hội** |
| ***a)Nhận biết bản thân,  gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng*** |
| **MT 34:** Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi,trò chuyện | -Tên, tuổi, giới tính của bản thân. |
| **MT 35**: Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình Nói được địa chỉ của gia đình  khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình Nói được một số đồ dùng trong gia đình | Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đìnhĐịa chỉ của gia đình  khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.Một số đồ dùng trong gia đình |
| **MT 36**: Nói được tên trường/lớp,  cô giáo, bạn , đồ chơi,  đồ dùng trong lớp  khi được hỏi, trò chuyện | -Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.-Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. |
| ***b)Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương*** |
| **MT 37**: Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. | Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của  một số nghề phổ biến. |
| ***c)Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh*** |
| **MT 38:** Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, Tết cổ truyền…qua trò chuyện, tranh ảnh. | Biết một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu…qua trò chuyện, tranh ảnh. |
| **MT39**: Kể tên  một vài  danh lam,  thắng cảnh  ở địa phương | Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương |
| ***III.LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ*** |
| ***1/Nghe hiểu lời nói*** |
| **MT 40:** Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. | Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.Hiểu và làm theo yêu cầu đơn  |
| **MT 41**: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả…- Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | -Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.-Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? |
| ***2/Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày*** |
| **MT 42**:. Nói rõ các tiếng. | Phát âm các tiếng của tiếng Việt. |
| **MT 43**: Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... | Cung cấp các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… |
| **MT 44**: Sử dụng được câu đơn, câu ghép. | Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. |
| **MT 45**: Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. | Kể lại sự việc. |
| **MT 46**: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... | Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. |
| **MT 47**: Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. | - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. |
| **MT 48**: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. | Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. |
| **MT 49**: Sử dụng các từ: “vâng ạ”, “dạ”, “thưa”, … trong giao tiếp. | Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. |
| **MT 50**: Nói đủ nghe, không nói lí nhí. | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |
| ***3/Làm quen với việc đọc – viết*** |
| **MT 51**: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.. | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)- Tiếp xúc với chữ, sách truyện-Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.- Giữ gìn sách. |
| **MT 52:** Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh | Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. |
| **MT 53:** Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoặc. |  Cho trẻ xem tranh, ảnh thể hiện các nét vẽ nguệch ngoặc của các trẻ khácTrẻ vẽ tự do |
| ***IV/LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI*** |
| ***1. Thể hiện ý  thức về bản thân*** |
| **MT 54**: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Nói được điều bé thích, không thích. | -Tên, tuổi, giới tính -Những điều bé thích, không thích. |
| ***2/Thể hiện sự tự tin, tự lực*** |
| **MT 55**: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. | Tổ chức các hoạt động gây hứng thú khiến trẻ muốn tham gia |
| **MT 56**: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao  (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). | Một số quy định trong lớp họcGiao nhiệm vụ,động viên trẻ hoàn thành nhiệm vụ |
| ***3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh*** |
| **MT 57**: Nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. | Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. |
| **MT 58:** Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.  | Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. |
| **MT 59**: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | - Hình ảnh về Bác - Kể chuyện về Bác Hồ Kính yêu - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước. |
| ***4/Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội*** |
| **MT 60**: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. | Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. |
| **MT 61**: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... | Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. |
| **MT 62**: Chú ý nghe khi cô, bạn nói. | Chờ đến lượt. |
| **MT 63:** Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | Chơi hoà thuận với bạn. |
| **MT 64**: Trẻ nắm được một số quy tắc an toàn giao thông.  | -Trẻ biết 1 số luật lệ cơ bản khi tham gia giao thông.- Trẻ biết tham gia giao thông an toàn.- Trẻ yêu quý và kinh trọng các cô chú cảnh sát giao thông. |
| ***5. Quan tâm đến môi trường*** |
| **MT 65**: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.- Bỏ rác đúng nơi quy định | - Tiết kiệm điện, nước.- Giữ gìn vệ sinh môi trường.- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. |
| **MT 66:** Trẻ nắm có một số hiểu biết cơ bản về kỹ năng phòng cháy, chữa cháy. | -Trẻ biết hô lên và gọi ngươi khác khi thấy đám cháy.- Trẻ biết 1 số vật dụng dễ cháy và có thể gây nên đám cháy.rẻ - Trẻ biết 1 số kỹ năng đơn giản để thoát khỏi đám cháy. |
| ***V/LĨNH VỰC GIÁO DỤC  PHÁT TRIỂN THẨM MĨ*** |
| ***1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật*** |
| **MT 67**: Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũivà ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống . |
| **MT 68:** Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện | Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc . |
| **MT 69:** Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn  và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật. |
| ***2. Một số kĩ năng  trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình*** |
| **MT 70:** Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. | Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. |
| **MT 71:** Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ). | Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. |
| **MT 72:** Biết chọn và tô màu trùng khín, không lem ra ngoài | Kỹ năng tô màu |
| **MT 73:** Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. | Sử dụng kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản |
| **MT 74:** Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. |
| **MT 75:** Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. | Sử dụng kĩ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giảnLàm quen với kĩ năng cắt. |
| **MT 76:** Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. | Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. |
| **MT 77:** Xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản | Sử dụng các kĩ năng xếp hình, xếp cạnh để tạo ra sản phẩm đơn giản |
| **MT 78:** Nhận xét các sản phẩm tạo hình. | Nhận xét sản phẩm tạo hình. |
| ***3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật****(âm nhạc, tạo hình)* |
| **MT 79:** Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. | Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. |
| **MT 80:** Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | -Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. |
| **MT 81:** Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | Đặt tên cho sản phẩm của mình. |

**MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC KHỐI CHỒI**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC** |
| ***I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT*** |
| ***1/ VỀ PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG******a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp:*** |
| **MT1.** Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.\* Sức khỏe: Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường cụ thể:  - Trẻ trai: + Cân nặng: 14,1- 24,2 kg + Chiều cao: 100,7-119,2cm. - Trẻ gái:+ Cân nặng: 13,7- 24,9 kg      + Chiều cao: 99,9-118,9cm.         Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn | - Ăn hết khẩu phần ăn trong ngày, thích nghi với các loại thức ăn khác nhau, uống đủ lượng sữa và nước trong ngày.- Tập thể dục sáng, các hoạt động thể dục trong ngày và tăng cường vận động- Tổ chức khám sức khoẻ cho trẻ 2lần/năm, cân đo 3lần/năm. Kết quả cân nặng, chiều cao bình thường so với độ tuổi.- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.- Động tác Tay:- Động tác Lưng bụng lườn:- Động tác chân: |
| ***b) Thể hiện kỹ năng vận động  cơ bản và các tố chất trong vận động:*** |
| **MT2.**Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi vận động: Trẻ bước đi liên tục trên ghế thể dục theo hiệu lệnhTrẻ bước lùi liên tiếp khoảng 3m | - Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động thông qua các vận động:    - Đi trên ghế thể dục - Đi trên vạch kẽ trên sàn- Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi. |
| **MT3:** Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi hướng- Trẻ đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng theo tín hiệu vật chuẩn(4-5 vật chuẩn đặt zíc zắc)- Trẻ chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây | - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, zíc zắc( đổi hướng) theo vật chuẩn.- Chạy 15 m trong khoảng 10 giây- Chạy chậm 60-80m- Chạy theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. |
| **MT4.** Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động:- Trẻ tung bắt bóng với (cô/bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3m)- Trẻ tự đập – bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp | - Tung, ném, bắt:- Tung bóng lên cao và bắt - Tung bắt bóng với người đối diện- Đập và bắt bóng tại chỗ- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân |
| **MT5.** Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp, các động tác bật nhảy. | + Bật liên tục về phía trước+ Bật xa 35 – 40cm+ Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35cm)+ Bật tách, khép chân qua 5 ô+ Bật qua vật cản cao 10-15cm+ Nhảy lò cò 3m |
| **MT6.** Trẻ ném trúng đích nằm ngang xa khoảng 2 m | - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.- Ném trúng đích nằm ngang, thẳng đứng. |
| **MT7.** Trẻ biết bò trong đường zíc zắz 3-4 điểm cách nhau 2 m - Trẻ mạnh dạng tập luyện các vật động trườn, trèo. | + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4 m+ Bò zic zắc qua 5 điểm+ Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m |
| **MT8:** Trẻ mạnh dạng tập luyện các vật động trườn, trèo. | + Trườn theo hướng thẳng+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm+ Trèo lên, xuống 5 gióng thang |
| **MT9:** Trẻ khéo léo vận động các bài tập liên hoàn phối kết hợp tay, chân, vận động các bài tập bò, trèo, tung, bắt. | - Trẻ vận động các bài tập đi, bò, chạy, bật, tung, ném, trèo, trườn, chui. |
| ***c)Thực hiện được và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt:*** |
| **MT10.** Trẻ thực hiện được các vận động:Cuộn - xoay tròn cổ tayGập, mở, các ngón tay | - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngòn tay, gắn, nối… |
| **MT11.**Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - Mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây- Trẻ cắt thành thạo theo đường thẳng- Trẻ biết xây dựng lắp ráp 10-12 khối- Trẻ biết tết sợi đôi- Trẻ tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. | - Gấp giấy- Lắp ghép hình- Xé,cắt đường thẳng- Tô,vẽ hình- Cài cởi cúc,sâu,buộc dây |
| ***2/ VỀ GIÁO DỤC DINH DƯƠNG VÀ SỨC KHỎE:******a) Biết một số món ăn, thực phẩm thông thừơng và ich lợi của chúng đối với sức khỏe:*** |
| **MT12.** Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm+ Thịt cá…có nhiều đạm+ Rau quả chin có nhiều vitamin | - Trẻ nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm {Trên tháp dinh dưỡng} |
| **MT13.** Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản như rau có thể luộc, nấu canh, thịt kho… | - Trẻ nhận biết được một số dạng chế biến đơn giản của một số món ăn. |
| **MT14:** Trẻ biết ăn để cao lớn và khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. | - Trẻ nhận biết một số bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và chất- Trẻ nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật. |
| ***b) Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt:*** |
| **MT15:** Trẻ thực hiện một số việc khi được nhắc nhở.- Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướtTrẻ tự cầm bát thìa xúc thức ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn | - Trẻ tập đánh răng lau mặt- Trẻ rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định |
| ***c) Trẻ có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe:*** |
| **MT16:** Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống- Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ.- Trẻ chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau….Trẻ không uống nước lã.- Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy. | - Trẻ tập luyện một số thói quen tốt giữ gìn vệ sinh- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. Không nhổ bậy. |
| **MT17:** Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:- Trẻ chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. | - Nhận biết trang phục theo thời tiết.- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. |
| ***d) Trẻ biết được một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh:*** |
| **MT 18:** Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... ) khi được nhắc nhở. | Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm(bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... ) khi được nhắc nhở. |
| **MT 19**: Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi …) khi được nhắc nhở.  |  Nhận biết những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi… |
|  **MT 20**: Biết  tránh một  số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....- Không tự lấy thuốc uống.- Không leo trèo  bàn ghế, lan can.- Không nghịch các vật sắc nhọn.- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp | - Nhận biết một  số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....- Không tự lấy thuốc uống.- Không leo trèo  bàn ghế, lan can.- Không nghịch các vật sắc nhọn.- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp |
| ***II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC*** |
|  ***Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản*** |
| **MT21:** Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiên tượng gần gũi- Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. | - Trẻ biết được một số quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống |
| ***1. VỀ KHÁM PHÁ KHOA HỌC:******a) Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng:*** |
| **MT22:** - Các hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng tự nhiên. | - Trò chuyện hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.( mùa hè)- Trò chuyện một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.- Trò chuyện một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày- Trò chuyện ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối.- Trò chuyện về một số món ăn quen thuộc với trẻ. |
| **MT23:** Nhìn hình ảnh, tiếng kêu để biết được tên hoặc đặc điểm của con vật, cây, hoa.- Đặc điểm của một số đồ dùng gia đình, dụng cụ các ngành nghề, phương tiện giao thông, và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. | - Tìm hiểu tên gọi, đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.- Tìm hiểu tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc và một số luật lệ giao thông đường bộ.- Tìm hiểu đồ dùng trong gia đình.- Tìm hiểu các dụng cụ các ngành nghề. |
| **MT24** Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ…để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng, sự vật hiện tượng. | - Tìm hiểu chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.- Tìm hiểu đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. |
| **MT25:** Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. | - Chơi với các đối tượng gần gũi: đất, đá, cát, sỏi, nước - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, nước |
| **MT26:** Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng | - Nơi thu thập thông tin: sách, tranh ảnh, internet, trò chuyện |
| **MT27:** So sánh sự khác và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. | - Nhận biết được các đặc điểm riêng của đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây, hoa, quả. |
| **MT 28:** Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. Các nguồn nước trong môi trường sống | - Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. |
| **MT29:** Phân loại các đối tượng theo hai dấu hiệu nổi bật.- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. | - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.- Trẻ phân loại đồ dùng đồ chơi theo dấu hiệu. |
| ***b) Trẻ hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau*** |
| **MT30:** Nhận xét,trò chuyện về đặc điểm ,sự khác nhau,giống nhau của các đối tượng quan sát | - Trẻ biết được một sô đặc điểm tính chất- Dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. |
| ***2/ Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán:*** |
| ***a) Nhận biết số đếm,số lượng:*** |
| **MT31:** Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng | - Đếm các vật xung quanh- Hỏi về chữ số, số lượng.- Phát hiện chữ số ở MTXQ trẻ. |
| **MT32:** Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm. | - Đếm các nhóm có số lượng trong phạm vi 10 và đếm theo khẳ năng.Nhận biết và sử dụng các số 1-5 để chỉ số lượng. |
| **MT33:** Trẻ so sánh được số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | - Đếm các nhóm đối tượng- So sánh số lượng của hai nhóm trong phạm vi 10.- Đếm theo khả năng.- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày ( số nhà, biển số xe...) |
| **MT34:** Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả | - Trẻ gộp 2 nhóm đối tượng và đếm |
| **MT35:** Tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn | - Trẻ tách 2 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.- So sánh 2 đối tượng và đếm. |
| ***b) Sắp xếp theo quy tắc:*** |
| **MT36:** Xếp tương ứng**-** Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 2 -3 đối tượng và sao chép lại. | - Xếp tương ứng 1:1- Ghép đôi- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. |
| ***c) So sánh 2 đối tượng:*** |
| **MT37:** Trẻ sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả so và so sánh | - Trẻ đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo- Trẻ đo dung tích bằng một đơn vị đo |
|  **MT38**: So sánh  hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. | - So sánh 2-3 đối tượng về kích thước  |
| ***d) Nhận biết hình dạng:*** |
| **MT39:** Chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 hình {tròn,tam giác,vuông..} | - Trẻ so sánh sự khác nhau của các hình: Hình vuông,chữ nhật,hình tròn,hình tam giác- Trẻ chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. |
| ***e) Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian:*** |
| **MT40:** Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với ngừơi khác. | - Trẻ xác định vị trí của đồ vật so với bản than trẻ và so với ban khác [trên-dưới,trước-sau,phải-trái} |
| **MT41:**Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo thời gian trong ngày. | - Trẻ nhận biết được các buổi: sáng ,trưa,chiều,tối. |
| ***3/ VỀ KHÁM PHÁ XÃ HỘI*** |
| ***a) Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng:*** |
| **MT42:** Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi,trò chuyện | - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. |
| **MT43**: Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình- Nói được địa chỉ của gia đình  khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - Nói được một số đồ dùng trong gia đình | - Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình- Địa chỉ của gia đình  khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.- Một số đồ dùng trong gia đình |
| **MT44:** Nói được tên trường/lớp,  cô giáo, bạn , đồ chơi,  đồ dùng trong lớp  khi được hỏi. | - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. |
| **MT45**: Nêu đặc điểm nổi bật của tên gọi, công dụng của đồ dùng đồ chơi.  | - Tìm hiểu một số tên đồ dùng đồ chơi, đồ dùng gia đình. |
| ***b) Nhận biết một số nghể phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương:*** |
| **MT46:** Trẻ kể tên công việc,công cụ, sản phẩm, khám phá, tìm hiểu. Của một số nghề khi được hỏi trò chuyện | - Trẻ biết được tên gọi, công cụ ,sản phẩm,các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến ,nghề truyền thống của địa phương |
| ***c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh:*** |
| **MT47:** Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, Tết cổ truyền…qua trò chuyện, tranh ảnh. | - Biết một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu…qua trò chuyện, tranh ảnh.- Biết đặc điểm nổi bật của di tích lịc sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của đất nước. |
| **MT48:** Kể tên  một vài  danh lam,  thắng cảnh  ở địa phương | - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương |
| ***III/ LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRẺ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ*** |
| ***1/ Nghe hiểu lời nói:***  |
| **MT49:** Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp | Nghe hiểu lời nói và làm theo 2-3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày |
| **MT50:** Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ… | - Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật…- Nghe hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ… |
| **MT51:** Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại | Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp |
| ***2/ Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:*** |
| **MT52:** Nói rõ để người nghe có thể hiểu được | - Phát âm các tiếng có chứa âm khó.- Trả lời và đặt cau hỏi “ Ai” “ Cái gì”“ Ở đâu” “ Khi nào?”- Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp |
| **MT53:** Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… | - Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động  |
| **MT54:** Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày.- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bàng các loại câu khác nhau- Trả lời và đặt câu hỏi |
| **MT55:** Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao. | Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ… phù hợp với độ tuổi. |
| **MT56:** Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc | - Kể lại chuyện đã được nghe |
| **MT57:** Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện | - Nghe , sử dụng các từ biểu cảm- Đóng kịch |
| **MT58:** Sử dụng được các từ như “ mời cô” “ mời bạn ” “ xin phép” “ thưa” “ dạ” “ vâng”…phù hợp với tình huống- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp |
| ***3/ Làm quen với việc đọc, viết:*** |
| **MT59:**Trẻ biết chọn sách để xem - Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh và biết” đọc vẹt” theo tranh minh họa  | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau- Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách- “Đọc” chuyện qua sách tranh/tranh vẽ- Làm quen với cách đọc sách( hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu- Phân biệt đầu, kết thúc của sách- Giữ gìn bảo vệ sách . |
| **MT 60:** Trẻ có biểu tượng ban đầu về ký hiệu/ chữ cái/chữ viết | - Nhận dạng một số chữ cái- Tập tô, đồ các chữ theo nét chấm mờ. |
| **MT61:** Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống( nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm…) | Làm quen với một sô ký hiệu thông thường trong cuộc sống ( nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ…) |
| **MT62:** Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng | - Làm quen với cách viết tiếng Việt(hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)- Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái |
| ***IV/LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI*** |
| ***1) Thể hiện ý thức của bản thân:*** |
| **MT63:** Nói được tên,tuổi,giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ | - Trẻ biết được tên tuổi giới tính |
| **MT64:** Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm | - Sở thích, khả năng của bản thân |
| ***2) Thể hiện sự tự tin tự lực:*** |
| **MT 65 :** Hình thành và phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ tham gia giao thông an toàn cho trẻ mầm non. | * - Nhận biết và phân biệt một số phương tiện giao thông thông dụng và một số biển báo giao thông.
* - Nhận biết một số dịch vụ khi tham gia giao thông.
* - Biết một số quy định đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.
* - Biết sự nguy hiểm / hậu quả khi không tuân thủ quy địnhvề giao thông.
 |
| **MT66 :** - Trẻ biết thế nào là hỏa hoạn, nguyên nhân gây ra hỏa hoạn và cách phòng tránh hỏa hoạn.- Trẻ biết các kỹ năng tự thoát hiểm khi có hỏa hoạn.- Trẻ biết kỹ năng này có thể ứng dụng rất thiết thực vào cuộc sống để bảo vệ chính mình, người thân, mọi người xung quanh và tài sản.- Trẻ biết cách chơi các trò chơi. | - Củng cố và phát triển cho trẻ kỹ năng quan sát, nhận xét, thực hành- Phát triển ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc cho trẻ- Rèn cho trẻ khả năng làm việc cá nhân và theo nhóm- Trẻ có kỹ năng tự thoát hiểm đúng cách và biết ứng dụng kỹ năng này vào cuộc sống khi có hỏa hoạn xảy ra- Rèn cho trẻ các kỹ năng thực hành cuộc sống tự lấy khăn ướt che mũi, miệng khi có khói, tự lấy áo choàng kín người để thoát ra ngoài đám cháy nhỏ.- Rèn cho trẻ kỹ năng chơi trò chơi. |
| **MT67**: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích- Cố gắng hoàn thành công việc được giao | - Trẻ biết sở thích của mình để chọn đồ chơi |
| **MT68:** Chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày. | Tự giác thực hiện công việc mà không nhờ sự nhắc nhở hay hổ trợ của người lớn, biết nhắc các bạn cùng tham gia. |
| **MT69:** Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. | Trẻ biết thực hiện nhiệm vụ được giao cùng bạn bè. |
| **MT70:** Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi âm nhạc ,tạo hình…- Trẻ thể hiện được năng khiếu và những tài năng để biểu diễn các tiết mục văn nghệ.- Yêu cái đẹp và biết tạo ra các sảng phẩm đẹp.+ Trẻ thể hiên được các vai chơi+ Hát các bài hát về cây,con vật+ Trẻ vẽ xé dán…. | - Trẻ biết được không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với con người.- Tìm hiểu, trò chuyện về những công việc, mối quan hệ của con người trong xã hội .- Trẻ thích biểu hiện những năng khiếu bằng các hình thức, hát múa, nhảy nhót các bài hát mà trẻ thích.- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng tô, vẽ, nặn, cắt dán. Biết lựa chọn những màu sắc phù hợp, hài hòa, cân đối bố cục bức tranh để tạo ra những sản phẩm đẹp.  |
| **MT71:** Thể hiện sự thân thiện đoàn kết giữa bạn bè. | Trẻ biết thương yêu, biết giúp đỡ bạn, chơi với bạn và không đánh bạn. |
| **MT72:** Biết cách sắp xếp đồ vật theo quy tắc, sáng tạo trong trò chơi. Theo yêu cầu của cô. | - Sử dụng các nguyên vật liệu để xây hàng rào, bồn hoa...- Biết sắp xếp đồ vật đẹp mắt. |
| ***3) Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh*** |
| **MT73:** Nhận biết cảm xúc vui buồn sợ hãi,tức giận,ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử cử chỉ, qua tranh ảnh | - Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc như vui buồn…qua nét mặt cử chỉ, giọng nói tranh ảnh |
| **MT74:** Trẻ biểu lộ được một số vui buồn sợ hãi tức giận ngạc nhiên | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua vận động vẽ năn … |
| **MT75**: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | Hình ảnh về Bác Kể chuyện về Bác HồKính yêu Bác Hồ |
| **MT76:** Biết một vài cảnh đẹp của quê hương đất nước | - Quan tâm đến di tích lịch sử , cảnh đẹp, lễ hội quê hương, đất nước |
| ***4) Trẻ biết được hành vi và quy tắc ứng xử:*** |
| **MT77:** Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình,sau khi chơi, biết cất đồ chơi,vào nơi quy định,giờ ngủ không làm ồn,vâng lời ông bà bố mẹ | - Trẻ biết được một số quy định ở lớp và nơi công cộng {để đồ dung,đồ chơi,….} |
| **MT78:** Trẻ biết nói cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép | - Trẻ lắng nghe ý kiến của người khác,sử dụng lời nói và của chỉ lễ phép.- Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”;“tốt” – “xấu”. |
| **MT79:** Trẻ chú ý khi nghe cô và bạn nói | - Trẻ biết được những người xung quanh đang nói |
| **MT80:** Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở | - Trẻ biết được và chờ đến lượt ,hợp tác |
| **MT81:** Trẻ biết trao dồi ,thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung | - Trẻ biết được cảm nghĩ và suy nghĩ của mình và nói lên.- Chơi, trực nhật, tạo ra sản phẩm chung,… theo cặp, theo nhóm hoặc cả lớp. |
| ***5) Trẻ biết quan tâm đến môi trường:*** |
| **MT82:** Thích chăm sóc cây con vật nuôi | - Trẻ biết được lợi ích cua con vật nuôi đó |
| **MT83:** Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định | - Trẻ có ý thức biết bỏ rác đúng nơi quy định,Phân biệt được hành vi tốt và xấu, đúng và sai. |
| **MT84:** Trẻ không bẻ cành ngắt hoa | - Trẻ Phân biệt được hành vi tốt và xấu |
| **MT85:** Trẻ không để tràn nước khi rửa tay | - Trẻ biết được bảo vệ và tiết kiệm nước |
| ***V/ LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRẺ PHÁT TRIỂN THẨM MỸ*** |
| ***1) Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiện nhiên,cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật:*** |
| **MT86:** Trẻ vui sướng vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm của mình và nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.- Trẻ chú ý nghe,tỏ ra thích thú {hát,vỗ tay,lắc lư}theo bài hát hoặc bản nhạc.- Trẻ thích thú ngẳm nhìn,chỉ,sờ,và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình{Về màu sắc,hình dáng..}của các tác phẩm tạo hình | Trẻ bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm ,các bài hát ,bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên,trong cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.  |
| ***2) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:*** |
| **MT87:** Trẻ hát đúng giai điệu lời ca,hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bà hát qua giọng hát,nét mặt … | - Trẻ hát đúng giai điệu lời ca,hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài  |
| **MT88:** Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát,bản nhạc với các hình thức{tiết tấu,vỗ tay, phách trẻ, trống lắc...} | - Trẻ Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát,bản nhạc |
| **MT89:** Phối hợp các nguyên vật liệu tao hình để tạo ra sản phẩm | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. |
| **MT 90:** Biết chọn và tô màu trùng khín, không lem ra ngoài.- Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang..tạo thành bức tranh có bố cục và màu sắc. | - Kỹ năng tô màu- Trẻ sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản có màu sắc, kích thước.. |
| **MT8:91** Xé cắt theo dường thẳng , cong,..và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục | - Sử dụng kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản. |
| **MT92:** Trẻ biết nặn, làm lõm, bẹt, bẻ, loe, vuốt nhọn, uống cong đất nặn để thành sản phẩm có nhiều chi tiết. | - Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. |
| **MT93:** Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm cá kiểu dáng, màu sắc khác nhau | - Sử dụng các kĩ năng xếp hình, xếp cạnh để tạo ra sản phẩm đơn giản. |
| **MT94:** Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc ,đường nét,hình dáng | - Nhận xét sản phẩm tạo hình. |
| ***3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật****(âm nhạc, tạo hình):* |
| **MT95:** Trẻ lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc | - Trẻ hát đúng giai điệu lời ca,hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài - Trẻ lựa chọn ,thể hiện các hình thức theo nhạc |
| **MT96:** Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo tiết tấu bài hát | - Trẻ có thể lựa chọn hình thức gõ đệm, phù hợp với giai điệu bài hát. |
| **MT97:** Trẻ nói lên ý tưởng và tao ra sản phẩm theo ý thích- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | - Trẻ tự chọn dụng cụ nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích- Trẻ nói lên ý tưởng của mình |

**MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC KHỐI LÁ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chỉ số** | **Kết quả mong đợi** |
| **Lĩnh vực 1: PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** |
| **Chuẩn 1.Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn** |
| **CS 1** | Bật xa tối thiểu 50cm | - Bật nhảy bằng cả 2 chân.- Chạm đất nhẹ nhàng bằng hai đầu bàn chân và giữ được thăng bằng.- Nhảy qua tối thiểu 50 cm. |
| **CS 2** | Nhảy xuống từ độ cao 40cm | - Lấy đà và bật nhảy xuống.- Chạm đất nhẹ nhàng bằng hai đầu bàn chân.- Giữ được thăng bằng  khi chạm đất. |
| **CS 3** | Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m | - Di chuyển theo hướng bóng bay để bắt bóng.-  Bắt được bóng bằng 2 tay, không ôm bóng vào ngực. |
| **CS 4** | Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất | - Trèo lên, xuống liên tục phối hợp chân nọ tay kia (hai chân không bước vào một bậc thang).- Trèo xuống tự nhiên, không cúi đầu nhìn xuống chân khi bước xuống.- Trèo lên thang ít nhất được 1,5 mét. |
| **Chuẩn 2. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ** |
| **CS 5** | Tự mặc, cởi được áo quần | - Mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau.- Cài và mở được hết các cúc áo.- Tự mặc và cởi được quần |
| **Chuẩn 3. Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi v. động** |
| **CS 9** | Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu | - Biết đổi chân mà không dừng lại.- Biết dừng lại theo hiệu lệnh.- Nhảy lò cò 5-7 bước liên tục về phía trước. |
| **CS 10** | Đập và bắt được bóng bằng 2 tay | -  Đi và đập bắt  bóng bằng hai tay |
| **CS 11** | Đi  thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) | - Khi bước lên ghế không mất thăng bằng.- Khi đi mắt nhìn thẳng.- Giữ được thăng bằng hết chiều dài của ghế. |
| **Chuẩn 4. Trẻ thể hiện sức mạnh,  sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể** |
| **CS 12** | Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây | - Phối hợp chân tay nhịp nhàng.- Chạy được 18 mét liên tục trong vòng 5 giây - 7 giây. |
| **CS 13** | Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian | -  Chạy với tốc độ chậm, đều.-  Phối hợp tay chân nhịp nhàng.- Chạy được 150 mét liên tục.- Đến đích vẫn tiếp tục đi bộ được 2 - 3 phút.- Không có biểu hiện quá mệt mỏi: thở dồn, thở gấp, thở hổn hển kéo dài. |
| **CS 14** | Tham gia HĐ h.tập l.tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút | - Tham gia hoạt động tích cực- Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật,... |
| **CSN** | Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 - 5m | * Bò bằng bàn tay và bàn chân 4- 5m
 |
| **CSN** | Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân | - Trẻ biết thực hiện biết chuyền bóng qua đầu, qua chân. |
| **CSN** | Bật, tách và khép chân qua 7 ô | - Bật tách và khép chân qua 7 ô |
| **CSN** | Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng zích zắc theo hiệu lệnh | - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng zích zắc theo hiệu lệnh |
| **CSN** | Tung bóng lên cao và bắt bóng | * Tung bóng lên cao và bắt bóng
 |
| **CSN** | Bò zich zắc qua 7 điểm | * Bò zich zắc qua 7 điểm
 |
| **CSN** | Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm | - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm |
| **CSN** | Thể hiện nhanh, mạnh khéo trong các bài tổng hợp về các kĩ năng đi, bò ,……. | - Trẻ biết phối hợp các vận động, rèn luyện các kĩ năng vận động |
| **Chuẩn 5. Trẻ có hiểu biết và thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng** |
| **CS 15** | Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn | **Trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh:**- Tự rửa tay bằng xà phòng,-  Rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần.-  Rửa sạch: tay sạch, không có mùi xà phòng. |
| **CS 16** | Tự rửa mặt và chải răng hằng ngày | **Sau khi ăn hoặc lúc ngủ dậy:**-Tự chải răng, rửa mặt.- Gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần -  Sạch: không còn  xà phòng, |
| **CS 17** | Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp | - Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. |
| **CS 18** | Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng | - Xốc lại quần áo khi bị  xô xệch. |
| **CS 19** | Kể tên một số TĂ cần có trong bữa ăn hằng ngày | - Kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hằng ngày. |
| **CS 20** | Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe. | - Kể được các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi /chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa rửa sạch…- Không ăn, uống những thức ăn đó. |
| **Chuẩn 6. Trẻ có hiểu biết và thực hành  an toàn cá nhân** |
| **CS 21** | Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. | - Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm (bàn là,bếp điện….là vật dụng nguy hiểm)- Không sử dụng những đồ vật đó. |
| **CS 22** | Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm | - Biết được tác hại của số việc nguy hiểm.- Biết cách tránh hoặc dùng đồ dùng khác để thay thế hoặc nhờ người lớn làm giúp |
| **CS 23** | Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm | - Phân biệt được nơi bẩn và sạch.- Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ / ao / sông / suối/ vực/ ổ điện...) và không nguy hiểm.- Chơi ở nơi sạch và an toàn. |
| **CS 24** | Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép; | - Người lạ cho quà thì phải hỏi người thân.- Người lạ rủ đi thì không theo. |
| **CS 25** | Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm | Khi gặp nguy hiểm **(**bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu, ...):- Kêu cứu- Gọi người lớn.- Nhờ bạn gọi người lớn- Hành động tự bảo vệ |
| **CS 26** | Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc | - Khi hỏi về tác hại của thuốc lá, trẻ trả lời: hút thuốc lá là độc/ hại.- Biết  bày tỏ thái độ không đồng tình, ví dụ như:+ Chú đừng hút thuốc vì có hại.+ Chú đừng hút thuốc ở nơi đông người.+ Chú ơi! hút thuốc sẽ bị ho/ ốm…đấy....- Tránh chỗ có người hút thuốc. |
| **CSN** | Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn | * Sau khi tan học về nhà ngay, không tự ý đi chơi
* Đi bộ trên vỉa hè, đi sang đường phải có người lớn dắt.
* Chấp hành luật giao thông đơn giản.
 |
| **Đảm bảo chiều cao cân nặng** |
| **CSN** | Trẻ có cân nặng cuối độ tuổi+ Trẻ trai: Cân nặng từ18,3 đến 24,2kg+ Trẻ gái: Cân nặng từ18,2 đến 24,9kgChiều cao cuối độ tuổiChiều cao bé trai: 100-110cm+ Chiều cao bé gái: 101-111cm | - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng- Tập các bài thể dục thường xuyên- Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ- Khám sức khỏe định kỳ- Nhận biết béo phì và suy dinh dưỡng, nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng |
| **Dinh dưỡng và sức khỏe** |
| **CSN** | Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm. | - Trẻ nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. |
| **CSN** | Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản. | - Trẻ có thể kể tên được các món ăn hàng ngày và mô tả được cách chế biến các món ăn đó.... |
| **CSN** | Biết lợi ích và tác hại trong ăn uống và cách sử dụng thực phẩm đúng, có lợi cho sức khỏe. | - Trẻ nắm được kiến thức về các loại thực phẩm bổ sung chất và tốt cho cơ thể. |
| **CSN** | Có khả năng tự phục vụ bản thân và biết tự lực trong công việc vệ sinh cá nhân.và sử dụng một số đồ dùng trong sinh hoạt hằng ngày. (bàn chai đánh răng, thìa, kéo cắt...) | - Tự phục vụ bản thân và biết tự lực trong công việc vệ sinh cá nhân.và sử dụng một số đồ dùng trong sinh hoạt hằng ngày. (bàn chai đánh răng, thìa, kéo cắt...) |
| **CSN** | Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm | - Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm |
| **CSN** | Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ | - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ ( cháy, chập điện.....) |
| **CSN** | Có một thể lực khỏe mạnh, các kỹ năng vận động, học tập tốt để chuẩn bị vào lớp 1 | - Ăn uống đủ chất để có một cơ thể khỏe mạnh |
| **Lĩnh vực 2 : PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI** |
| **Chuẩn 7. Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân** |
| **CS 27** | Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình | Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như:**+**Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình.+ Địa chỉ nhà ( số nhà, tên phố/ làng xóm).+ Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)… |
| **CS 28** | Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. | -        Biết chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết (nóng, lạnh, khi trời mưa).-        Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy.-        Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ ban gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị. |
| **CS 29** | Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân | - Kể được những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/ vì con còn bé quá… Hoặc con có thể giúp mẹ xếp quần áo hoặc trông em, hoặc vẽ đẹp hoặc hát hay,...) |
| **CS 30** | Đề xuất  trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân | -Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi đươc hỏi, ...) |
| **CSN** | Hình thành và phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ tham gia an toàn giao thông vho trẻ Mầm non | -Nhận biết và phân biệt một số phương tiện giao thông và biển báo giao thông.-Biết và thực hiện một số quy định đảm bảo an toàn giao thông.- Biết sự nguy hiểm/ hậu quả khi không tuân thủ quy định giao thông. |
| **CSN** | Trẻ hình thành và hiểu biết thế nào là hỏa hoạn và cách phòng tránh.Trẻ có kĩ năng tự thoát hiểmÝ thức được các kỹ năng này có thể ứng dụng rất thiết thực vào cuộc sống để bảo vệ chính mình, người thân và mọi người xung quanh và tài sản.Trẻ thực hành các kĩ năng qua các tình huống | Trẻ có kĩ năng thoát hiểm đúng cáchTrẻ được rèn luyện các kĩ năng thực hành: lấy khăn ướt che miệng, gọi số 114, …..-Có kỹ năng PCCC như….Biết kêu cứu, gọi số cứu hỏa 114, báo cho người lớn, tìm cách thoát hiểm khi có đám cháy, cách tránh khỏi khí độc………. |
| **Chuẩn 8.Trẻ tin tưởng vào khả năng của mình** |
| **CS 31** | Cố gắng thực hiện công việc đến cùng | - Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối.- Nhanh chóng triển khai công việc.- Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc.- Hoàn thành công việc được giao. |
| **CS 32** | Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc | **Trẻ có biểu hiện một trong những dấu hiệu:**- Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve.- Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác.- Cất cẩn thận sản phẩm. |
| **CS 33** | Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày | **-Tự thực hiện hoạt động mà không chở sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn:**- Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi.- Tự rửa tay trước khi ăn.- Tự chuẩn bị đồ dùng/ đồ chơi cần thiết cho hoạt động.- Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn. |
| **CS 34** | Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân | -Phát biểu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại. |
| **Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc** |
| **CS 35** | Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác | -Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh. |
| **CS 37** | Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè | **Trẻ có những biểu hiện:**- An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ.- Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật.- Hoan hô, cổ vũ… khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó. |
| **CS 38** | Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp | **Trẻ có những biểu hiện:**- Thích thú, reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh.- Lắng nghe một cách thích thú tiếng chim kêu.- Nâng niu một bông hoa, một cây non, vuốt ve một con vật non… |
| **CS 39** | Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc | - Thích chăm sóc cây cối, con vật thân thuộc.- Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật thân thuộc ăn- Kêu lên khi thấy một cành cây non hoặc bông hoa bị gãy nát, con vật thân thuộc bị đau hay chết. |
| **CS 40** | Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh | - Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm- Giữ thái độ chú ý trong giờ học.- Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: sinh nhật, ngày hội…- Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường. |
| **CS 41** | Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích | - Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,... ) với sự giúp đỡ của người lớn.- Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày. |
| **Chuẩn 10. Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn** |
| **CS 42** | Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi | **Trẻ có những biểu hiện:**- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm.- Được mọi người trong nhóm tiếp nhận.- Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái. |
| **CS 43** | Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi | - Chủ động đến nói chuyện,- Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi. |
| **CS 44** | Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi | - Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình.- Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm- Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn |
| **CS 45** | Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn | - Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ.- Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu. |
| **CS 46** | Có nhóm bạn chơi thường xuyên | - Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau. |
| **CS 47** | Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động | - Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt.- Không chen ngang, không xô đẩy người khác.- Không tranh giành suất của bạn khác.- Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm. |
| **Chuẩn 11. Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè  và  mọi  người xung quanh** |
| **CS 48** | Lắng nghe ý kiến của người khác | -Biết lắng nghe ý kiến của bạn.(Nhìn bạn khi giao tiếp, không cắt ngang lời khi bạn đang nói). |
| **CS 49** | Trao đổi ý kiến của mình với các bạn | - Biết trình bày ý kiến của  mình với các bạn.- Biết dùng lời  để trao đổi hoặc biết  nhờ đến sự giúp đỡ.- Biết thoả thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn |
| **CS 50** | Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè | **Khi xảy ra chuyện bất đồng ý kiến hoặc tranh giành nhau, trẻ**:- Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thoả hiệp).- Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ |
| **CS 51** | Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn | - Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm.Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cùng nhóm |
| **CS 52** | Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác | - Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn.- Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột. |
| **Chuẩn 12. Trẻ có  các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội** |
| **CS 53** | Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác | - Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác.- Giải thích được phản ứng của bản thân  đối với cảm xúc hoặc hành vi của bạn khác (con cho bạn ấy con khủng  long vì con thấy bạn ấy buồn).- Đoán được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây ra phản ứng như thế nào. |
| **CS 54** | Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn; | Biết  và thực hiện các quy tắc sau trong sinh hoạt hàng ngày :- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn.- Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà.- Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, mếu chảy nước mắt, cúi đầu, sợ hãi, ôm lấy người mình trót phạm lỗi) và nói lời xin lỗi. |
| **CS 55** | Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết | - Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn- Biết tìm sự hỗ trợ từ những người lớn trong cộng đồng (cô giáo, bác bảo vệ, bác hàng xóm, bác bán hàng…).- Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ đến sự giúp đỡ của người lớn.- Hỏi người lớn trước khi vi phạm các quy định chung. |
| **CS 56** | Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối  với môi trường | Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh* Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng – sai, tốt – xấu.
 |
| **CS 57** | Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày | Thể hiện các hành vi đúng đối với MTXQ trong sinh hoạt hàng ngày như:- Giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường.- Tắt điện khi ra khỏi phòng.- Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường.-Bỏ rác đúng nơi quy định, nhắc nhở mọi người giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường |
| **Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác** |
| **CS 58** | **Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân** | Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khoẻ; mẹ nấu ăn rất ngon). |
| **CS 59** | Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình | - Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...).- Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,...- Nhận ra rằng mọi người có thể sử dụng các từ khác nhau để chỉ cùng một vật (ví dụ như từ Mẹ ở các địa phương hoặc nơi có các dân tộc khác nhau) |
| **60** | Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn | - Có ý kiến về sự không công bằng giữa các trẻ.- Nêu được cách tạo lại sự công bằng.- Có mong muốn lập lại sự công bằng . |
| **CSN** | Yêu quý, tự hào về quê hương đất nước, biết ơn và kính yêu Bác Hồ | -Yêu quý, tự hào về quê hương đất nước, biết ơn và kính yêu Bác Hồ. |
| **Lĩnh vực 3: PHÁT TRIỂN** **NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP** |
| **Chuẩn 14. Trẻ nghe hiểu lời nói** |
| **CS 61** | Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi. | - Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoăc cáu giận ) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói- Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện ( ví dụ chuyện Bác gấu Đen và hai chú thỏ, Cây táo thần…)- Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện.- Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói |
| **CS 62** | Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động; | - Trẻ hiểu được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên, hiểu được những câu phức và phản ứng lại bằng những hành động hoặc phản hồi tương ứng..- Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các qui định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...).- Khi đến lớp GV yêu cầu trẻ thực hiện chỉ dẫn và trẻ T.hiện được (VD cất balô lên giá, cởi giầy và vào lớp chơi cùng các bạn khác). |
| **CS 63** | Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi; | - Kể được tên các loại vật nuôi trong gia điình, các loại rau, các loại quả khi có yêu cầu.- Nói được từ khái quát chỉ các vật ( hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó.  |
| **CS 64** | Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. | - Trẻ kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn ( truyện cười ) ngắn, đơn giản ( ví dụ: Rau thìa là, Tại sao đuôi thỏ lại ngắn, Hai gấu con qua cầu, Chú dê đen…)- Trẻ nói được chủ đề và giá trị đạo đức của truyện.và tính cách nhân vật chính trong câu chuyện ngắn không quen thuộc sau khi được nghe kể chuyện.- Thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... đã nghe biểu hiện qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên và qua các hoạt động vẽ, đúng kịch, hát, vận động và kể lại chuyện theo đỳng trình tự... |
| **Chuẩn 15. Trẻ có thể sử dụng lời nói để giao tiếp** |
| **CS 65** | Nói rõ ràng | - Phát âm đúng và rõ ràng.- Diễn đạt  ý  tưởng ; Trả lời được theo ý của câu hỏi (ví dụ trả lời rõ ràng câu hỏi “Ba lô của cúa cháu ở đâu”).- Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình.- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được. |
| **CS 66** | Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày | - Sử dụng các từ loại: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ,... thông dụng trong lêi nãi- Sử dụng một số từ khác (liên từ, từ cảm thán, từ láy…) vào câu nói phù hợp với ngữ cảnh. |
| **CS 67** | Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp | - Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên  từ…khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý.- Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu… thì…; bởi vì…; tại vì…;) trong giao tiếp hàng ngày.- Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...)- Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại... |
| **CS 68** | Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân; | - Trẻ  có  thể  dùng nhiều  phương tiện khác nhau như từ, các loại  câu, hình ảnh, chữ  viết, âm nhạc, vận động và hành động để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình rõ ràng, mạch lạc để người khác hiểu được ý của bản thân..- Có thể dùng ngôn ngữ để tự diễn đạt và cố gắng làm cho người khác hiểu được cảm xúc của bản thân.- Đưa ra được những gợi ý, tham gia thoả thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè và người khác.- Khi nói, trẻ biết sử dụng sự diễn đạt thích hợp (cười, cau mày…), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu…) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân. |
| **CS 69** | Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động | - Hướng dẫn bạn bè trong trò chơi, trong hoạt động học. |
| **CS 70** | Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được | - Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự lôgích nhất định.- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy.- Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh.- Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân. |
| **CS 71** | Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định . | - Kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ hoặc bạn và vào các trang của chuyên theo đúng trình tự.- Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phần kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó.- Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân. |
| **CS 72** | Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện | - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh,- Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác- Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi).- Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè. |
| **Chuẩn 16. Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp** |
| **CS 73** | Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp; | - Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt- Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện. |
| **CS 74** | Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp | - Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói.- Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt.- Khi nghe kể chuyện, trẻ có thể lắng nghe người kể một các chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian.- Trẻ rất chú ý lắng nghe người nói và phản ứng lại bằng nụ cười, gật đầu như dấu hiệu của sự hiểu biết. |
| **CS 75** | Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện | - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.- Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác…- Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong. |
| **CS 76** | Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói | - Dùng câu hỏi để hỏi lại (ví dụ “Chim gi là dì sáo sậu, “dì” nghĩa là gì?)- Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu. |
| **CS 77** | Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống | - Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như “tạm biệt”, “Xin chào”…. |
| **CS 78** | Không nói tục, chửi bậy | Trẻ ko nói tục, chửi bậy |
| **Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc** |
| **CS 79** | Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh | - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách.- Hay hỏi về chữ viết (truyện viết về gì? Cái đó viết về gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?)- Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe,..- Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp.- Chú ý đến hành động viết của người lớn (hỏi khi thấy người lớn viết).- Quan tâm, hỏi về chữ viết trong sách, báo,  hàng hoá, bảng biểu... và cố gắng tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh.- Quan tâm đến việc  viết , thích  sao chép lại  những câu và  những từ  vựng đơn giản; Trẻ  thích  sử  dụng các dụng cụ viết, vẽ để viết vào giấy một cách thoải mái. |
| **CS 80** | Thể hiện sự thích thú với sách | - Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, ‘làm sách’,...- Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp (VD: Khi người lớn bắt đầu đọc sách, trẻ có thể tạm dừng việc khác và vui thích tham gia vào hoạt động đọc sách cùng người lớn.- Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và  yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc. |
| **CS 81** | Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách | -  Để sách đúng nơi qui định.- Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách.- Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...) |
| **Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc** |
| **CS 82** | Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống | - Nhận biết được các ký hiệu về đồ dựng của trẻ như: khăn mặt, tủ đựng quần áo,- Biết được kí hiệu về thời tiết,- Biết và tạo được tên của trẻ,- Nhận biết được ý nghĩa của các ký hiệu quen thuộc trong cuộc sống (bảng hiệu giao thông, quảng cáo, chữ viết, cấm hút thuốc, cột xăng...).- Nhận biết được các nhãn hàng hóa.- Trẻ có khả năng liên tưởng sau khi xem truyện tranh hay các biểu tượng thông dụng và hiểu được nghĩa mà chúng truyền tải |
| **CS 83** | Có một số hành vi như người đọc sách | -Trẻ chỉ và nói được tên các phần sau của sách khi được yêu cầu:+ Trang bìa sách, các trang sách+ Lời (chữ) trong sách, tranh minh họa+ Tên sách+ Tên tác giả.+Bắt đầu và kết thúc.- Cầm cuốn sách và giả vờ đọc cho bản thân hay cho người khác nghe. Cầm sách đúng chiều, giở trang sách từ phải sang trái, từng trang một.- Nhặt sách dưới sàn và đặt lên giá đúng chiều |
| **CS 84** | “Đọc” theo truyện tranh đã biết | - Có hành vi tự kể chuyện theo sách truyện đã được nghe đọc- Trẻ đọc sách theo sáng kiến của mình và có được các ý tưởng từ truyện tranh hay các từ ngữ- Nói được nghĩa của một số từ quen thuộc- Cố  gắng đoán nghĩa của từ và nội dung chuyện dựa vào tranh minh hoạ, chữ cái và kinh nghiệm của bản thân để trong các hoạt động đọc/ kể chuyện.- Khi nghe đọc truyện, trẻ có thể trả lời câu hỏi “Theo cháu, cái gì sẽ xảy ra tiếp theo?” |
| **CS 85** | Biết kể chuyện theo tranh | - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa (VD nhìn tranh vẽ chiếc xe đạp, trẻ nói “ Cháu có một chiếc xe đạp, nhưng xe của cháu màu đỏ và to hơn”).- Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ nói “Quyển truyện này là chuyện về Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn”.- Nói được thứ tự của sự việc từ chuyện tranh và sử dụng lời nói để diễn đạt nội dung câu chuyện. |
| **Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết** |
| **CS 86** | Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói | - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu...để thay thế cho lời nói.- Hiểu rằng chữ viết có một ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (VD khi mẹ nhận được thiếp chúc mừng năm mới, trẻ hỏi “Thiếp viết gì đấy”).- Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ, câu của lời nói, một từ nói ra có thể viết được bằng ký hiệu chữ viết.- Nhận biết được từ trong văn bản, các từ cách nhau một khoảng trống. |
| **C9.CS 87** | Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân | - Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác.- Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ- Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ.- Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân. |
| **CS 88** | Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái | - Sao chép các từ theo trật tự cố định trong các hoạt động- Biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó.- Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày. |
| **CS 89** | Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình | - Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động- Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ- Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới |
| **CS 90** | Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới | - Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.- Lấy một  quyển sách và  yêu cầu trẻ  chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu. Trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và lật giở các trang từ phải qua trái. |
| **CS 91** | Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt | - Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày.- Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cửa hàng- Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng.- Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó.- Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số. |
| **CSN** | Biết một số chữ cái trong các từ họ tên của mình, của bạn, tên gọi của một số bộ phận cơ thể. | - Biết một số chữ cái trong các từ họ tên của mình, của bạn, tên gọi của một số bộ phận cơ thể |
| **Lĩnh vực 4:   PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** |
| **Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên** |
| **CS 92** | Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung | - Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 3 (hoặc 4) con vật/cây.- Đặt tên cho nhóm những con/cây này bằng từ khái quát thể hiện đặc điểm chung. |
| **CS 93** | Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên | - Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây/con) thể hiện trên tranh ảnh.- Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.- Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên (Ví dụ: búp, lá non, lá già, lá vàng….) |
| **CS 94** | Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống; | - Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó.- Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô). |
| **CS 95** | Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra | - Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.- Giải thích dự đoán của mình. |
| **Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội** |
| **CS 96** | Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng | - Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày- Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng.- Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu |
| **CS 97** | Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống | - Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến. |
| **CS 98** | Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống | - Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; Sản phẩm của nghề đó; Công cụ để làm nghề đó. |
| **Chuẩn 23 . Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo** |
| **CS 104** | Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 | -  Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...)-  Đọc được các chữ số từ 1 đến 9 và chữ số 0.-  Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được |
| **CS 105** | Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm | -  Tách 10 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau (Ví dụ: nhóm có 3 và 7 hạt và nhóm có 5 và 5 hạt v..v..)-  Nói được nhóm nào có nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau. |
| **CS 106** | Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo | - Đặt thước đo liên tiếp.- Nói đúng kết quả đo (Ví dụ bằng, 5 bước chân, 4 cái thước) |
| **CSN** | Sử dụng được một số dụng cụ để đong, đo và so sánh và nói kết quả | * Trẻ biết so sánh chiều cao của 2 đối tượng.
* Trẻ biết so sánh chiều dài của 3 đối tượng.
* Trẻ đo dung tích trong bình.
 |
| **Chuẩn 24.  Trẻ nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong không gian** |
| **CS 107** | Chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu | - Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên.- Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình hình học theo yêu cầu (ví dụ: quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật v..v..) |
| **CS 108** | Xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác | - Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian (ví dụ: cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v..v..)- Nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng tập thể dục (ví dụ: Bạn Nam đứng ở bên trái bạn Lan và bên phải bạn Tuấn v..v..)- Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: Đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải của búp bê…) |
| **Chuẩn 25. Trẻ có một số biểu  tượng ban đầu về thời gian** |
| **CS 109** | Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự | - Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba, v..v..)- Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà. |
| **CS 110** | Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày | - Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy.- Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/ mẹ dặn ngày mai làm việc gì. |
| **CS 111** | Nói ngày trên lốc lịch và giờ chẵn trên đồng hồ | - Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì.- Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v..v..) |
| **Chuẩn 26. Trẻ  tò mò và ham hiểu biết** |
| **CS 112** | Hay đặt câu hỏi | Trẻ có một trong những biểu hiện:- Hay phát biểu khi học.- Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin.- Tập trung chú ý trong khi học. |
| **CS 113** | Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh | **Trẻ có một trong những biểu hiện:**- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới)- Hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh.- Hay đặt câu hỏi “Tại sao?”- Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/ thích robot, thích búp bê…) |
| **Chuẩn 27. Trẻ thể hiện khả năng suy luận** |
| **CS 114** | Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày | - Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó.- Giải thích bằng mẫu câu “Tại vì... nên...” |
| **CS 115** | Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại | - Nhận ra sự giống nhau của 2 hoặc một nhóm đối tượng- Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những cái khác.- Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó. |
| **CS 116** | Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc | - Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động…)- Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại.- Nói tại sao lại sắp xếp như vậy. |
| **Chuẩn 28. Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo** |
| **CS 117** | Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát | **Trẻ có một trong số các biểu hiện sau:**- Dựa trên bài hát / câu truyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (Ví dụ: Hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”. Ví dụ: trên cơ sở nội dung truyện Dê đen, dê trắng trẻ “Mèo đen, mèo trắng”, thay hành động húc nhau bằng cào nhau… |
| **CS 118** | Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình | **Trẻ có một trong số các biểu hiện sau:**- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực  hiện nhiệm vụ.- Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác.- Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn. |
| **CS 119** | Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau; | **Trẻ có một trong số các biểu hiện sau:**- Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi.- Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau.- Có những vận động minh hoạ / múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô…. |
| **CS 120** | -Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác | **Trẻ có một trong số các biểu hiện sau:**- Tự đặt ra các câu thơ.- Tự đặt / bịa câu chuyện.- Đặt tên mới  / mở đầu / tiếp tục / kết thúc câu chuyện theo cách khác. |
| **5. Lĩnh vực phát triển thẩm mĩ** |
| **C2.CS 6** | - Tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ | - Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa.- Tô màu đều, không chờm ra ngoài nét vẽ. |
| **C2.CS 7** | - Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản | - Cắt được hình, không bị rách.- Đường cắt lượn sát theo nét vẽ. |
| **C2.CS 8** | - Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn | - Bôi hồ đều,- Các chi tiết không chồng lên nhau.- Dán hình vào bức tranh phẳng phiu. |
| **C9.CS 36** | - Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt | * Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân:

vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ |
| **CS 38** | -Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp | **Trẻ có những biểu hiện:**- Thích thú, reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh.- Lắng nghe một cách thích thú tiếng chim kêu.- Nâng niu một bông hoa, một cây non, vuốt ve một con vật non… |
| **Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình** |
| **CS 99** | -Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc | * Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi  và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn.
 |
| **CS 100** | -Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em | * Trẻ hát đúng giai điệu bài hát.
 |
| **CS 101** | -Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc | * Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc
 |
| **CS 102** | -Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản; | - Sử dụng nhiều loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm. |
| **CS 103** | -Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình | - Đặt tên cho sản phẩm- Trả lời được câu hỏi con vẽ / nặn / xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế? |
| **CSN** | - Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết | - Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. |
| **CSN** | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. | - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm |
| **CSN** |  -Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. | -Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa. |
| **CSN** | - Xé theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. | -Phối hợp các kỹ năng xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. |
| **CSN** | - Biết sử dụng một số dụng cụ, âm nhạc. Thể hiện bài hát một cách tự nhiên, đúng nhịp, có cảm xúc. | - Biết sử dụng một số dụng cụ âm nhạc thể hiện được bài hát một cách tự nhiên, đúng nhịp, có cảm xúc. |
| **CSN** | -Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình). | -Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. |

1. **Đối với nhà trường**

- Triển khai toàn bộ kế hoạch chuyên môn năm học 2024 -2025 đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

- Định hướng cho tổ khối xây dựng kế hoạch chuyên môn của tổ khối cụ thể, chi tiết phù hợp với điều kiện của tổ.

- Kiểm tra đánh giá việc thực hiện và điều chỉnh bổ sung nếu có thay đổi.

**2. Đối với tổ chuyên môn**

- Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ cụ thể, phù hợp, sát với yêu cầu và tình hình thực tế của nhà trường. Đổi mới hình thức và nâng cao hoạt động của tổ. Sinh hoạt chuyên môn đúng lịch qui định, kết hợp bồi dưỡng thường xuyên cho GV trong tổ.

- Phối kết hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra thường xuyên, hướng dẫn, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời. Báo cáo kết quả đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

**3. Đối với cán bộ, giáo viên.**

 - Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong kế hoạch.

**VIII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN HÀNG THÁNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Nội dung công việc trọng tâm** | **Người thực hiện** |
| **8/2024** | - CBGVNV trả phép đúng thời gian quy định.- Phân công giáo viên các lớp phù hợp với năng lực. - Giáo viên tham gia bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng chuyên môn (theo kế hoạch của huyện, Phòng GD&ĐT, của trường).- Xây dựng các loại kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chỉ đạo chuyên môn, kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn, kế hoạch giáo dục của các nhóm lớp.- Trang trí, lao động vệ sinh các nhóm, lớp - Tuyển sinh trẻ, huy động tối đa số trẻ trong địa bàn ra lớp, huy động trẻ nhà trẻ đảm bảo theo kế hoạch giao.- Thành lập các tổ chuyên môn. Thống nhất chuyên môn, xây dựng kế hoạch, soạn giáo án.- Giao chỉ tiêu số lượng, chất lượng chăm sóc giáo dục, tỷ lệ chuyên cần cụ thể cho từng nhóm, lớp.- Tổ chức đón trẻ tựu trường 29/8/2024- Tham gia tập huấn chuyên môn cho CBQL, GV. |  |
| **9/2024** | - Kỷ niệm Quốc khánh 2/9.- Tổ chức khai giảng năm học mới ngày 05/9/2024, thực học ngày 05/9/2024- Duyệt kế hoạch các tổ khối CM. - Cân đo theo dõi biểu đồ tăng trưởng cho trẻ lần 1. - Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ.- Tổ chức sự kiện Tết trung thu cho trẻ.-Tổ chức tự kiểm tra và hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn PCGDMNTNT năm 2024.-Tổng hợp số liệu báo cáo CSGL ngành đầu năm học 2024-2025.- Tổ chức Bồi dưỡng, tập huấn tiếp cận một số thay đổi trong thí điểm Chương trình GDMN mới.- Kiểm tra HĐSP; chuyên đề trang trí 10 lớp; kiểm tra HSSS giáo viên theo kế hoạch.  |  |
| **10/2024** | - Tổ chức kỷ niệm 20/10/2024- Tiếp tục huy động học sinh ra lớp đảm bảo tỷ lệ chuyên cần.- Kiểm tra HĐSP; chuyên đề; kiểm tra HSSS giáo viên theo kế hoạch.- Tham gia tập huấn nâng cao năng lực cho CBQL, GVMN về tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.- Tham gia hội thao do PGD tổ chức- Triển khai đăng ký thi đua và đăng ký viết SKKN- Thao giảng vòng I.- Tiếp tục lao động tạo cảnh quan ở điểm lẻ và chăm sóc rau ở khu trung tâm  |  |
| **11/2024** | - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày nhà giáo việt nam 20/11.- Chấm SKKN cấp trường.- Kiểm tra HĐSP; chuyên đề; kiểm tra HSSS giáo viên theo kế hoạch - Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học, duy trì số lượng học sinh và tỉ lệ chuyên cần.- Kiểm tra hồ sơ giáo án của giáo viên.- Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GVMN trong thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.- Tổ chức hội thi làm đồ dùng tự tạo cấp trường.- Tập huấn triển khai đánh giá TEMIS, kiểm tra kỹ thuật và chiết xuất báo cáo TEMIS đối với cấp học mầm non.- Tham dự Ngày hội giao lưu tiếng Anh của bé cấp huyện.- Thi đồ dùng tự tạo cấp trường. |  |
| **12/2024** | - Tổ chức giao lưu kỷ niệm 22/12.- Tổ chức cho trẻ đi thăm các chú bộ đội - Chuẩn bị BC sơ kết HKI. Xây dựng kế hoạch học kỳ 2.- Kiểm tra HĐSP; chuyên đề; kiểm tra HSSS giáo viên.- Kiểm tra hồ sơ tổ chuyên môn, hồ sơ giáo viên.- Đánh giá chất lượng hs 5 tuổi.- Hưởng ứng Ngày hội giao lưu tiếng Anh của bé cấp tỉnh.- Tập huấn công tác phổ cập GDMN cho trẻ MG và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT.- Báo cáo sơ kết học kỳ I, năm học 2024- 2025. Xây dựng kế hoạch học kỳ 2.-Tổ chức Hội thi Giáo viên mầm non dạy giỏi cấp trường, năm học 2024-2025. |  |
| **01/2025** | - Tổng hợp số liệu, báo cáo sơ kết học kỳ I.-Tham gia Hội thi Giáo viên mầm non dạy giỏi cấp huyện, năm học 2024-2025.- Tập huấn chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp một.- Kiểm tra HĐSP; chuyên đề- Kiểm tra HĐSP; chuyên đề; kiểm tra HSSS giáo viên theo kế hoạch- Nghĩ tết dương lịch, âm lịch. |  |
| **02/2025** | - Chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3/2- Kiểm tra HĐSP; chuyên đề; kiểm tra HSSS giáo viên theo kế hoạch. -Tập huấn hướng dẫn lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ em trong các cơ sở GDMN.- Tập huấn An toàn giao thông cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi cho CBQL, GVMN.- Tham gia Hội thi Giao lưu tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số cấp trường. |  |
| **03/2025** | - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3; ngày thành lập đoàn 26/3- Thao giảng vòng II.- Kiểm tra HĐSP; chuyên đề; kiểm tra HSSS giáo viên theo kế hoạch.***-***Tham gia Hội thi Giáo viên mầm non dạy giỏi cấp tỉnh, năm học 2024-2025.- Tham gia chức Hội nghị chuẩn bị các điều kiện thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi vào năm 2030 theo Nghị quyết số 42-NQ/TW và Nghị quyết số 68/NQ-CP.- Tham gia Hội thi Giao lưu tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số cấp huyện. |  |
| **04/2025** | - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày 30/4 và Quốc tế lao động 1/5.- Kiểm tra về công tác đánh giá trẻ.- Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện chương trình các nhóm lớp.- Kiểm tra HĐSP; chuyên đề; kiểm tra HSSS giáo viên theo kế hoạch Kiểm tra về công tác đánh giá trẻ-Tập huấn hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quyền con người cho trẻ mẫu giáo trong các cơ sở GDMN.-Tham gia Hội thi Giao lưu tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số cấp tỉnh (nếu đạt). |  |
| **05/2025** | - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Quốc tế lao động 1/5.- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hè năm 2025. - Hoàn thành chương trình trước ngày 25/5/2023.- Kiểm tra hồ sơ giáo viên, hồ sơ tổ, các đoàn thể.- Họp tổng kết nội bộ. Đánh giá xếp loại CB, GV, NV.- Bình xét thi đua cuối năm học, tập thể cá nhân. - Bàn giao chất lượng và hồ sơ HS 5 tuổi cho trường tiểu học.- Công khai xếp loại GV, NV cuối năm. Tổ chức lễ tổng kết năm học- Hoàn thành các loại báo cáo cuối năm nộp về phòng GD&ĐT  |  |
| **06/2024** | - Kỷ niệm ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6- Hoàn thành báo cáo cơ sở dữ liệu ngành cuối năm học 2024-2025; Hồ sơ BDTX năm học 2024-2025.- Tập huấn lồng ghép, tích hợp kĩ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổikhí hậu trong các cơ sở GDMN. |  |
| **07/2024** | - Đón đoàn kiểm tra công tác hoạt động hè- Tuyển sinh theo kế hoạch.- Tập huấn Xây dựng môi trường trong lớp với đồ dùng đồ chơi “trẻ cùng làm/tự làm” phát huy tính tích cực hoạt động cho trẻmầm non. |  |
| **08/2024** |  - Lao động.- Phân lớp- nhận lớp.-Tham gia bồi dưỡng thường xuyên về hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục cho CBQL, GVMN.- Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với GDMN. |  |

Trên đây là kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2024-2025 của trường mầm non Ya Tờ Mốt.

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG DUYỆT****Lê Thị Hằng**  | **NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH****Phó hiệu trưởng****Phan Thị Nam Hà**  |